góc nhìn sử Việt

Phan Trần Chúc

Cần Vương

Lê Duy Mật kháng Trịnh

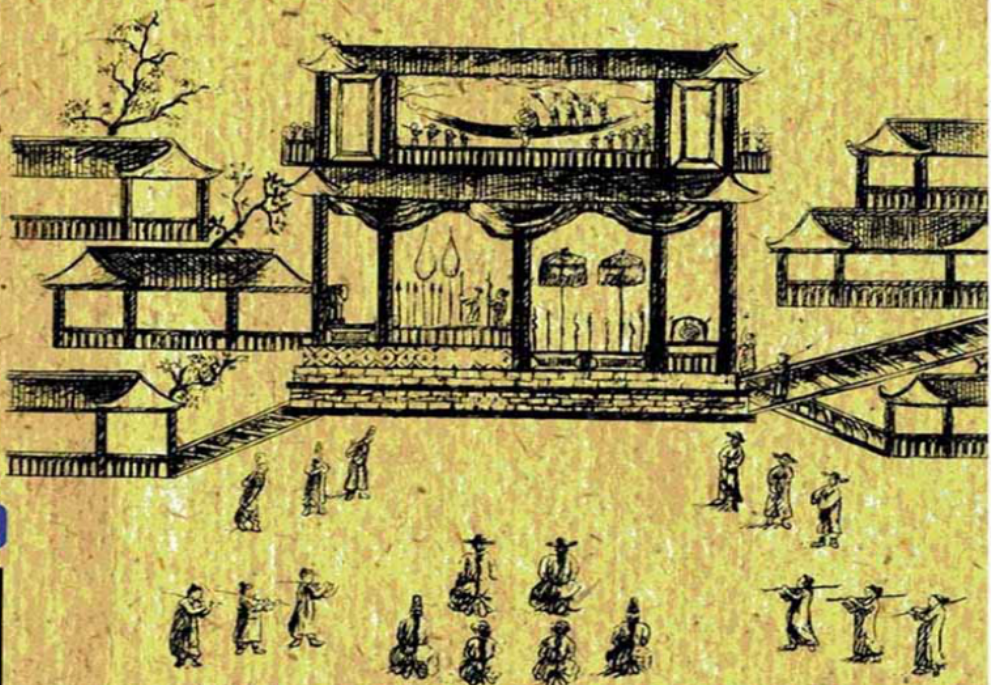

"Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong"

Xuất bản lần đầu năm 1941

alphabooks

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trìnhđó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng,khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa

học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt độngtrong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị… về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

PHO TƯỢNG NGỌC HOÀNG

Một buổi chiều về mùa đông năm Đinh Ty. Luồng gió bấc đưa lại những giọt mưa nhỏ xíu, nhưng mau hạt, như hàng ức triệu mũi tên cùng gieo xuống mặt nước Tây Hồ.

Chùa Trấn Quốc, một thắng cảnh vào bậc nhất, nhì ở Thăng Long bị bao phủ trong tà áo hoàng hôn, chỉ còn lờ mờ như một hòn đảo nổi trên làn nước bạc.

Hồi chuông thu không vừa dứt tiếng, sư Trí Thông, vị sư trụ trì chùa này, cũng vừa cắm xong một tuần hương vào tất cả các ban thờ, ung dung khép cánh cửa chùa lại mà lui xuống tăng xá.

Trong chùa: im lặng. Cái im lặng nặng nề vì khí ẩm ướt của nước hồ và nước mưa, thỉnh thoảng mới bị khua động, vì tiếng xào xạc của mấy con chim sẻ không chịu nổi giá lạnh, ẩn ở nóc chùa.

Trên bệ gạch, Đức Phật Như Lai cũng như các vị Bồ Tát hình như đều ưng thuận cái vị trí mà mấy bác thợ ngõa[1] đã định cho mình nên vẫn lẳng lặng giương đôi mắt gỗ nhìn những luồng khói hương quằn quại bốc lên mái nhà.

Duy có pho tượng Ngọc Hoàng khác hẳn.

Sau đôi mắt thủy tinh của đức Thượng đế vẫn có một đôi lòng đen liếc đi liếc lại, làm cho mỗi bên mắt pho tượng này có tới hai con ngươi như mắt Tấn Văn Công đời Xuân Thu, nhưng chỉ có một con ngươi chuyển động, còn con ngươi thứ hai thì vẫn đứng liệt trên miếng thủy tinh. Đôi con mắt này chú ý vào tất cả những cử động của sư Trí Thông và hình như cũng chẳng muốn cho sự già có mặt lâu ở trong chùa nên khi cánh cửa vừa khép hẳn thì, Ngọc Hoàng Thượng đế liền biểu lộ sự nóng ruột bằng một hơi thở mạnh, làm rung động cả những tua vải ngũ sắc đính vào chung quanh cỗ mũ bình thiên mà nhiều chỗ nước thiếp vàng đã tróc hẳn, để lộ ra màu vàng xạm của chất gỗ.

Nhưng pho tượng chỉ được hưởng sự phóng khoáng đó trong khoảnh khắc vì toàn thân tượng thốt lại trấn định như cũ, trừ đôi con mắt là phần vẫn giữ được cái sinh khí nồng nàn.

Phía ngoài, tiếp với những tiếng giày giòn giã nện xuống thềm gạch, cánh cửa chùa bỗng lại mở rộng. Một người ăn mặc rất giản dị bước vào. Người này vừa qua khỏi ngưỡng cửa được hai bước thì từ phía sau, đã ló ra chiếc đầu nhẵn thín của sư cụ Trí Thông. Nhà sư từ dưới tăng xá nghe tiếng giày, hớt hải chạy lên. Khi khách quay lại, Trí Thông cố kìm hơi thở, chắp tay vái chào:

- Xin tướng công đại xá cho nhà chùa đã không sớm biết để ra nghinh tiếp.

- Sư cụ bất tất phải giữ lễ quá. Lúc này chúng ta còn có thời giờ đâu nữa mà để ý vào những lối thù tạc dung thường.

Vừa nói, khách vừa kéo tay sư cụ cùng tiến vào trước phật đài. Tới đó, sư cụ cung kính mời khách ngồi bên bệ gạch, còn tự mình thì lùi xuống một tấm chiếu trải trên mặt đất.

- Các vị Hoàng tử và quan Đông Các Hiệu thư vẫn chưa đến ư?

Đưa mắt nhìn chung quanh mình, khách tự biết câu hỏi này là thừa, vì ngoài khách và sư cụ ra thì, trong chùa, không có ai khác là những pho tượng gỗ ngồi rất nghiêm trang mà chủ, khách, đều tin rằng chẳng lưu tâm gì đến những công việc dung tục của họ. Nhưng sự tin tưởng đó là lầm. Từ nãy đến giờ, pho tượng Ngọc Hoàng vẫn chòng chọc nhìn vào khách mà không bỏ sót một lời nói hoặc một cử chỉ nào. Pho tượng ấy có lẽ còn biết rõ khách hơn cả sư cụ Trí Thông. Vì pho tượng biết rằng hôm nay, khách mặc chiếc áo vải xanh của kẻ dân thường là cốt để che mắt người ngoài. Vì, ở vào địa vị khách, áo mặc hằng ngày, ít ra cũng phải là cẩm sa hay bắc đoạn. Khách tuy mới chừng năm mươi tuổi, nhưng coi rất đạo mạo. Khổ người tầm thước đỡ lấy một khuôn mặt vuông vắn, tuy đã điểm vài nếp nhăn nhưng nước ra rất hồng hào. Để làm giới hạn cho khuôn mặt ấy, Hóa Công điểm ba chòm râu thật dài làm cho dáng người đã có vẻ phong lưu lại càng thêm đài các.

Với dáng người ấy và bộ mặt ấy, nếu vấn vuông khăn thô và một cái áo vải có thể giấu được chân tướng của khách thì, hai bàn tay cũng là một bản cáo trạng rất hùng hồn. Vì hai bàn tay có những ngón nhỏ nhắn và móng để rất dài, khiến cho cử chỉ của khách nhiều khi hơi ngượng nghịu.

Khách vừa uống cạn chén trà do sư cụ cung kính dâng lên thì, chợt lại có tiếng kẹt cửa, rồi lần lượt có tới hai chục người nữa, chia thành từng bọn lẳng lặng bước vào. Đến trước vị quý khách ngồi trên bệ, ai nấy đều kính cẩn vái chào, rồi người thì bước vào chiếu của sư Trí Thông, kẻ thì ngồi các chiếu bên, coi cử chỉ của mỗi người, người ngoài cũng có thể phân biệt được là ở vào giai cấp tôn quý hay trong hàng ty thuộc.

Vị quý nhân đến trước nhất, sau khi đã đưa mắt nhìn chung quanh mình và nhận ra rằng những người mà mình vẫn phải chờ đến đông đủ cả, liền dõng dạc nói:

- Nhà Lê chúng ta kể từ hồi Trung Hưng đến bây giờ, thấm thoắt đã gần hai trăm năm. Liệt Thánh nối nhau trị vì, đến Đức Kim Thượng ta là đúng 15 đời vua. Trong khoảng gần hai thế kỷ, cuộc đời đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc biến thiên, thế mà giang sơn vẫn không di dịch, là vì dân nước nhớ mến công đức của nhà Lê.

Họ Trịnh không hiểu như thế mà cũng chẳng nghĩ đến đạo vua tôi: Chúng cậy có công phù lập, ức chế nhà vua, thậm chí hoàng tộc bị chúng khinh bỉ, triều đường như chợ không người; chính quyền và quân quyền về hết cả bên Trịnh phủ. Nhà vua thế lực mỗi ngày một yếu, mong lấy yên thân cũng chẳng được nào. Trịnh Tùng hại đức Kính tôn, Trịnh Tạc ức vua Thần tôn. Gần đây hơn nữa, Trịnh Giang vu cho vua ta tư thông với con Kỳ viên phi là thiếp yêu của cha hắn2 mà giáng xuống làm Hôn đức công, rồi âm mưu hãm hại3... Vây cánh của họ Trịnh, vì đó càng ngày càng đông, thiên hạ không ai biết đến vua Lê nữa mà chỉ biết có chúa Trịnh. Cũng vì vậy nên họ Trịnh được tự ý phế lập, một mình Trịnh Giang đặt và bỏ có tới hai ba bốn đời vua. Cái tâm địa độc ác của hắn dù bọn Vương Mãng và Đổng Trác đời xưa, cũng không ví kịp.

Đức vua đã bị họ Trịnh rẻ rúng và giết hại thì hoàng tộc chúng ta có khác gì cá nằm trên thớt, quyền sinh sát đã bị chúng nắm ở trong tay, không lẽ chúng ta chờ chết hay sao? Vậy ai là người có tâm huyết đều phải vì nước liều mình để diệt họ Trịnh mà khôi phục lại chính quyền cho nhà Lê. Việc dù thành hay không, chúng ta cũng vẫn lưu được một tiếng thơm trong sử sách.

Bây lâu chúng ta vẫn ngậm hờn mà ẩn nhẫn, cốt ý là để đợi thời. Vậy nên gian thần Trịnh Giang và đảng của hắn là Hoàng Công Phụ đã lộng hành quá lắm, dân chúng đều oán họ Trịnh đến cốt tủy. Tôi muốn nhân cơ hội này mà khởi nghĩa. Vậy ý các ông thế nào, xin cho được biết."

Dứt câu nói của quý nhân mà mỗi tiếng đều có sức làm rung động đến tim óc của mọi người, ngôi chùa tịch mịch lại trở lại cái yên lặng nặng nề. Phía ngoài, mưa gió và sương mù đã dần dần thu nốt những tia sáng yếu ớt của hoàng hôn và đẩy cả Tây Hồ vào bóng tối.

Đon đả như tất cả những người đã được cái vinh hạnh có quý khách đến nhà mình, sư Trí Thông lần lượt rọi một mồi lửa vào tất cả những cây đèn dầu lạc đứng ngất ngưởng trên Phật đài. Nhà sư lại lựa lấy một cây đèn sáng nhất mà kính cẩn đặt lên chiếu của quý nhân.

Trong bầu không khí mà các ánh nhạt của những ngọn đèn dầu chẳng đủ xua đuổi được hết bóng đen tối, một người tiến đến trước quý nhân, chắp tay thưa:

- Chúng tôi nối đời ăn lộc của nhà Lê, tự biết có nghĩa vụ phải quên cả tính mệnh để đền ơn nước. Nhưng xét mình không có tài cán gì cả, sợ bạo động không khỏi có sự lầm lỡ đến việc lớn. Nay được Tướng công là bậc Hoàng thúc và hai vị Hoàng tử dẫn đường cho thì dù có phải tan xương nát thịt để làm trọn đạo thần tử, chúng tôi cũng không dám từ. Nhưng rắn còn phải có đầu, một việc quan trọng như việc này, không lẽ không ai giữ trách nhiệm về việc chủ trương. Vậy xin hai vị Hoàng tử và tất cả các bạn đồng chí cùng suy tôn Tướng công làm minh chủ và thề cùng với Tướng công cùng sống chết.

Tiếp với câu nói này, mọi người cùng nhao nhao lên tán thành:

- Ông Vũ Công Thế nói phải, xin suy tôn Tướng công làm minh chủ.

Kéo mạnh một hơi thuốc, rồi đặt xe điếu xuống chiếu, người mà hội đồng suy tôn làm minh chủ ung dung nói:

- Nếu là một việc dễ dàng mà các ông có lòng yêu đề cử cho thì tôi vui lòng nhận ngay. Song Cần vương là việc có quan hệ lớn đến vận mệnh của Hoàng gia và nhà nước. Chủ tướng phải là người trẻ trung khỏe mạnh và mưu trí hơn người. Tôi già rồi thật không đương nổi chức ấy.

Nhìn sang hai thiếu niên ngồi riêng ra một chiếu, quý nhân nói tiếp:

- Chức minh chủ xin nhường hai Đức ông đây, vừa là huyết mạch của Tiên Hoàng, vừa là những vị thiếu niên anh hùng mà thiên hạ

nghe tên đều mến phục.

Hai thiếu niên từ nãy vẫn không ai để ý, nay được quý nhân đả động đến thì, mọi người cùng chăm chú nhìn vào. Trỏ vào thiếu niên ngồi gần mình, quý nhân giới thiệu:

- Đức ông đây là Hoàng đệ Lê Duy Quy.

Và chỉ người ngồi đối diện với Duy Quy.

- Còn Đức ông là Hoàng đệ Lê Duy Mật.

Khi mọi người đều biết rằng hai thiếu niên đều là em ruột của Lê Đế Duy Phương, ông mà đã bị Trịnh Giang hãm vào một cái chết nhơ nhuốc và khốc liệt thì, ai nấy đều vì luyến mộ người chết mà tỏ một mối cảm tình đằm thắm với những người còn. Đã vậy, hai vị Hoàng tử lại có những diện mạo và cử chỉ xứng đáng với mối cảm tình ấy.

Duy Quy, chừng ba mươi tuổi, tuy sinh trưởng ở nơi quyền quý, nhưng ăn mặc rất sơ sài: đầu chít khăn nhiễu tam giang nhiều nếp, mình mặc áo lụa màu huyền. Y phục đó rất hợp với cái dung mạo của chàng: từ con mắt êm dịu đến cái miệng tươi tắn đều tỏ vẻ hiền lành; lại thêm nước da trắng để lằn lên nhiều sợi gân xanh, khiến cho trong cái hiền lành ấy có ẩn vẻ yếu ớt.

Duy Mật khác hẳn.

Vị Hoàng tử này chưa đầy hai mươi tuổi. Nhưng thân thể to lớn không kém gì những người đã phát triển hoàn toàn. Cứ coi những bắp thịt vạm vỡ và nước da hồng hào, người ta cũng biết rằng Duy Mật luyện các môn võ nghệ và có sức khỏe hơn người. Chàng chít khăn yến vĩ, hai đầu mối vểnh lên trời ăn khớp với đôi con mắt xếch và lóng lánh như hai vì sao. Cái miệng rộng rãi của chàng viền bằng hai chiếc môi đỏ thắm, đỡ lấy một cái mũi to, nhưng đều đặn. Dung mạo Duy Mật đẹp, song là vẻ đẹp hùng hậu của những viên hổ tướng về đời xưa. Tiếng chàng nói lanh lảnh như tiếng đồng. Nó có cái uy lực đè lấp cả tiếng người chung quanh, không cứ là ở đám đông nào cũng vậy.

Khi thấy Lê Duy Chúc – vị quý nhân ngồi chiếu trên – nhường ngôi minh chủ cho anh em mình thì Duy Quy hai vành tai đổi ra hung đỏ, thẹn thùng không biết nói thế nào. Thấy anh lung túng, Duy Mật nhanh nhẩu đỡ lời:

- Tướng công là bậc Hoàng thúc, lại đứng vào ngôi cực phẩm nhân

thần, các bạn đồng chí suy tôn làm minh chủ là đích đáng lắm. Xin tướng công vì sự an nguy của nước nhà mà nhận cho.

Một lần nữa, cử tọa lại nhao nhao lên tán thành. Thế không thể từ chối được, Hoàng thúc Lê Duy Chúc phải ưng thuận và mới các đồng chí làm lễ tuyên thệ.

ĐÊM BA MƯƠI TẾT

Trong lúc mọi người chỉnh đốn khăn, áo để dự lễ thì sư già Trí Thông cũng lúi húi thắp một nắm hương bỏ vào cái lư đồng đặt trên một cái hương án mà nhà sư đã hì hục kê từ buổi trưa ở gian bên. Trên hương án, ngoài hương, hoa và đèn nến ra, có bày một cái bát cổ Giang Tây trong chứa máu loãng hòa với rượu.

Xếp đặt xong, Duy Chúc đến trước án, rót một tuần rượu, lạy bốn lạy, rồi nghiêm trang nói:

- Trước linh vị của Lê triều Liệt thánh, tôi là Lê Duy Chúc cùng với các bạn đồng chí là Duy Quy, Duy Mật, Vũ Công Thế, Vũ Thước... tất cả hai mươi người uống máu ăn thề, nguyện cùng nhau sống chết để trừ bọn gian thần và tôn phù nhà Lê. Nếu ai không giữ lời thề hoặc đem lòng phản trắc xin trời tru đất diệt.

Dứt lời Duy Chúc cầm một cái chén vục vào bát máu lấy một ít mà uống, rồi lễ tạ, bước ra.

Bọn Duy Quy, Duy Mật cũng theo khuôn mẫu của Duy Chúc mà lần lượt uống máu ăn thề.

Lễ xong, mọi người quay về chỗ cũ để bàn việc khởi sự. Trao đổi ý kiến hồi lâu, cử tọa quyết định mưu sự vào giờ Tý ngày ba mươi tháng Chạp năm Đinh Tỵ. Vì – theo lời chúc Đông Các Hiệu thư là Vũ Công Thế - cần phải dùng cái thế "công kỳ vô bị". Ngày ấy các tướng hiệu cũng như quân lính trong Trịnh phủ phần nhiều xin nghỉ về quê ăn tết Nguyên đán. Người nào còn lại thì cũng để ý vào rượu chè, cờ bạc, nhiều hơn là việc canh phòng. Đảng Cần Vương sẽ thừa lúc phái địch không phòng bị mà đốt Trịnh phủ và cướp lấy Kinh thành, khi nào đã chiếm được thành Thăng Long và giết Trịnh Giang rồi đảng Cần vương sẽ tâu lên vua Lê xin xuống chiếu "nhất thống thiên hạ". Như vậy, những vây cánh của họ Trịnh, nếu có muốn cựa quậy cũng khó lòng. Thảng hoặc có kẻ nào nổi lên, triều đình sẽ phái quân đi đánh dẹp.

Duy Chúc chuẩn kế ấy, liền cắt đặt công việc cho mỗi người.

Lê Duy Quy cùng với một viên vũ tướng là Hà Quốc Uy mang năm mươi thủ hạ ăn mặc giả làm dân quê ẩn ở phường Vũ Thạch, chờ đến giờ Tý thì cùng nổi dậy, giết quân canh cửa ô Cựu Lâu (Trường Tiền) và mở cửa ô.

Vũ Công Thể và Vũ Thước mang đội Cẩm vệ thân quân là một đội quân túc vệ do Vũ Thước làm Vệ úy – hiện đóng ở Thịnh Hào, do cửa ô Cựu Lâu (Trường Tiền) vào đốt Vương phủ và bắt Uy Nam Vương (Trịnh Giang)

Lại Thế Tế mang 50 tên quân Hổ nhuệ đến vây bắt viên Chưởng phủ là Bào quận công Hoàng Công Phụ.

Minh chủ là Lê Duy Chúc thì cùng với Lê Duy Mật và một số đồng chí chờ ở quán Nghinh Xuân, để tiếp ứng và khi đã thành công rồi, thì vào Nội điện tâu với Hoàng đế xin ban chiếu "nhất thống thiên hạ".

Cắt đặt xong thì trong phường Yên Hoa vọng ra tiếng gà gáy đã mau. Trên cửa ô An Hòa hồi trống đổi canh cũng dồn mạnh, tỏ ra rằng trời sắp sáng. Sợ để sáng rõ có khi bại lộ, nên mọi người cùng vội vã cáo biệt sư cụ Trí Thông mà ra về để lo những việc trong phận sự của mình. Sư Trí Thông suốt từ chiều hôm trước phải lo việc thù tiếp các quan khách và không biết bao nhiêu việc khác nữa chẳng dính líu gì với Phật Thích Già, cũng ngáp dài vài cái rồi tắt đèn, xuống tăng xá nghỉ.

Khi trong chùa đã vắng ngắt và tiếng giày của quan khách cũng không còn vang đến đây nữa thì, pho tượng Ngọc Hoàng đã lâu chúng ta không lưu tâm đến, lại phát ra một hơi thở mạnh, hình như để dốc cho hết không biết bao nhiêu nỗi khó chịu từ lâu vẫn chứa chất trong mình.

Tiếp với hơi thở, toàn thân pho tượng rung động, hình như Đức Ngọc Hoàng thượng đế của chùa Trấn Quốc cũng muốn đứng dậy mà theo quan khách vào thành. Song, chỉ trong giây phút, pho tượng lại ngồi im. Lưng tượng bỗng bựt ra một tấm gỗ con, rồi một người từ trong tượng chui ra. Người này búi lại mớ tóc vừa bị xổ rối, rồi vươn vai để giải phóng cho những gân cốt đã bị tù hãm suốt một đêm trời.

Người này thân hình nhỏ bé: từ gót chân lên đến búi tóc chỉ gọn lỏn chừng sáu gang tay. Nếu tình cờ mà hắn có làm nên to, các thầy tướng tất phải tán dương là vì hắn đã có tướng ngũ đoản,

nếu tay hắn không dài quá, đến trùm lên đầu gối.

Sau khi đã quấn lại chiếc khăn vành dây mà hắn buộc tạm làm thắt lưng trong lúc ngồi chồm chỗm phía trong pho tượng Ngọc Hoàng, hắn vuốt mấy sợi râu thưa thớt, rồi cười một mình:

- Bác Lê Duy Chúc này táo gan thật. Giết chúa Trịnh, bắt quan Chưởng phủ, đốt phá kinh thành. Phát giác ra được ngần ấy việc, dù họ phong cho Trương Tiềm này đến tước Quận công cũng còn là ít.

Trương Tiềm – tên hắn – là một trong bầy chó săn rất đông đúc mà viên Chưởng phủ Hoàng Công Phụ thả ra ở đô thành. Cái công việc của chúng là đi dò xét những người có chí đánh đổ chúa Trịnh hoặc viên quan hoạn họ Hoàng là người hiện đương giữ chính quyền để về tâng công với chủ. Trương Tiềm cũng là nội giám như Hoàng Công Phụ và là một gián điệp rất tinh quái, nên được Phụ rất tin yêu. Đổi lại, Tiềm cũng không phụ lòng ủy cậy của chủ mình. Chính Tiềm đã tố giác việc Nguyễn Công Hãng xin Nhân vương (Trịnh Cương) bãi ngôi thế tử của Trịnh Giang. Rồi lại cũng Tiềm đã tố giác việc Lê Anh Tuấn mưu với các quan đại thần bài trừ viên Chưởng phủ họ Hoàng. Bởi có những kỳ công ấy nên từ một tên quan hoạn ngu dốt Trương Tiềm đã được thăng lên chức Đô chỉ huy sứ, tước Sơn Thọ bá.

Lắp miếng gỗ vào lưng pho tượng Ngọc Hoàng, để cho tượng được trơn tru như cũ, Trương Tiềm vỗ vào vai tượng, nhoẻn cười:

- Cám ơn đức Ngọc Hoàng Thượng đế. Nhờ ngài mà tôi có chỗ trú chân được một đêm. Nhưng chỉ ái ngại cho đệ tử của ngài là sư cụ Trí Thông. Sư cụ phen này hẳn được đi đường tắt để sang Tây Trúc.

Rồi đó, Trương Tiềm sẽ lách cửa mà rón rén bước ra khỏi chùa. Hắn do theo bức thành cổ Đại La, thủng thỉnh về ô Thụy Chương. Tới cửa ô, mấy tên lính canh thấy Trương Tiềm đều chắp tay vái chào. Tiềm hỏi han mọi người, rồi hớn hở đi thẳng về Vương phủ.

Tới Nghị sự đường là một tòa lâu đài lập ngay ở cửa phủ, Trương Tiềm bất giác ngừng lại và để ý trông các nha lại và quân lính đương tấp nập ra vào, rồi thình lình nhận ra một viên nội giám trong bạn thân của mình, Tiềm tiến lên mấy bước, co tay người ấy lại, hỏi:

- Quan Chưởng phủ đã vào chầu chúa hử, tôn huynh?

Viên nội giám mỉm cười, trỏ một cỗ kiệu tam hồng, để ở cửa phủ, bảo Trương Tiềm:

- Quan bác không nhận ra là kiệu ai để kia ư?

Trương Tiềm gật đầu, buông bạn ra, rồi rẽ đám quân lính mà đi thẳng vào Tả xuyên đường là chỗ Hoàng Công Phụ phê phán các công việc hàng ngày. Tới thềm, Tiềm rón rén đứng vào một góc cột, lẫn với mấy cậu lính đương chờ sai phái.

Hoàng Công Phụ đương đọc một tập công văn, chợt ngẩng lên, trông thấy Trương Tiềm và vẻ mặt ngượng nghịu của hắn, thì hất hàm, ra ý hỏi là hắn muốn bẩm gì?

Tiềm tiến lên mấy bước, sẽ thưa:

- Gửi tướng công, sắp có một việc biến cố rất lớn.

Phụ nghiêm sắc mặt, vội hỏi:

- Thế nào là việc biến cố rất lớn?

Tiềm vừa toan trả lời, chợt lại rụt rè và đưa mắt nhìn chung quanh mình.

Phụ hiểu là việc cơ mật liền đuổi các liêu thuộc ra và gọi Trương Tiềm đến cạnh mình.

Khi mọi người đã ra khỏi, Trương Tiềm liền mang tất cả những việc đã do thám được đêm trước bẩm với viên Chưởng phủ họ Hoàng.

Công Phụ tuy đứng đầu các quan võ, nhưng chẳng hiểu nghệ thuật của Khương Thái Công là gì, nên khi mới nghe nói bọn Lê Duy Chúc định đốt Vương phủ, giết chúa Trịnh và bắt mình thì lưỡi líu lại và nước da tái nhợt.

Trương Tiềm vốn hầu hạ Công Phụ đã lâu nên hiểu rõ tính tình viên Chưởng phủ, vội thưa.

- Nhà nước còn có tướng tá, có quân đội, nếu tướng công muốn dẹp chúng, tưởng cũng chẳng khó gì.

Hoàng Công Phụ sực tỉnh ngộ, xoa tay nói:

- Những kẻ bé người xưa nay vẫn nhiều mưu. Anh quả đã không phụ lòng ta ỷ trọng.

Công Phụ lại mở tráp lấy 10 lạng vàng mà thưởng cho Trương Tiềm, rồi truyền cho hắn về chực sẵn ở dinh mình. Tiếp, cho mật triệu viên Thự phủ là Thực quận công Dương Trọng Liêu vào phủ để cùng bàn mưu đối phó.

CÁI CỔ TIẾN SĨ

Đêm Trừ tịch.

Một đêm mưa phùn và tối mịt, trừ một vài phường như Đông Các, Đồng Xuân chẳng hạn, là nơi cư dân đông đúc, người ta còn thấy ánh sáng le lói của những ngọn đèn dầu lạc treo lủng lẳng trên các cây nêu. Song những ánh sáng ấy chẳng đủ xé toang được cái màn tối xẫm của đêm ba mươi, về cuối mùa đông.

Cho đến giờ Dậu, thiên hạ còn đi sắm tết nên đô thành náo nhiệt, dù những ngày đại hội cũng không bằng. Nhưng từ giờ Tuất trở đi thì phố phường vắng teo, hãn hoặc mới có một vài toán lính đi tuần và mấy kẻ hành khất về chậm, thất thểu do các cửa ô ra bãi Cơ Xá. Nhưng khi đã gần đến giáp canh thì trong phố không còn một ai qua lại. Tiếng cầm canh ở các điếm cũng uể oải, chỉ hơi mạnh hơn tiếng ngáy của mấy cậu túc vệ vừa được hết phiên.

Lê Duy Quy, Hà Quốc Uy và năm mươi lực sĩ nấp trong một tòa miếu cổ gần ô Trường Tiền, vừa uống cạn ấm nước chè tươi thì tại chùa Báo Thiên đã lên chuông giao thừa. Tiếng chuông vang động ở giữa đêm tối trời và tịch mịch nêu có vẻ oai nghiêm và huyền bí. Tiếp với chùa Báo Thiên – vì ở liền với Vương phủ nên được dân đô thành coi như đứng đầu tất cả các am thiền của thành Thăng Long – các chùa khác đồng thời cũng hưởng ứng bằng tiếng chuông đồng. Rồi tiếng chuông chùa và tiếng pháo mừng xuân hòa lẫn với nhau, kinh thành bỗng trở nên om sòm, mà từ xa, không ai có thể phân biệt được là do những tiếng gì góp lại.

Nhanh nhẹn như tất cả những thiếu niên chuyên trị về nghề võ, Hà Quốc Uy cầm chiếc đoản đao đứng dậy. Lê Duy Quy và 50 lực sĩ cùng mỗi người cầm một món khí giới đứng lên theo. Cả bọn đi về phía ô Trường Tiền. Tới cửa ô, Duy Quy chỉ huy ba mươi người vây bọc ở ngoài, còn Hà Quốc Uy thì mang thủ hạ hăng hái xông vào, định giết bọn lính canh. Nhưng cuộc bố trí đó là thừa. Vì trong ô vắng ngắt, lính canh không rõ đã bỏ đi đâu từ trước.

Cả bọn còn đương bâng khuâng, chưa biết xử trí thế nào thì đội Cẩm vệ do Vũ Công Thế và Vũ Thước đi đầu, đã xồng xộc từ ngoài ô mà bước vào thành.

Duy Quy và Quốc Uy mừng rỡ, vội nhập bọn ngay với Vũ Công Thế cùng đi về phía Tây. Tới cửa Trịnh phủ, lại cũng chỉ thấy vắng ngắt nên ai nấy đã phát nghi. Song cố làm ra vẻ thản nhiên, Công Thế cắt đặt việc vây phủ và sai quân phóng hỏa quăng vào. Nhưng mệnh lệnh vừa bắt đầu thi hành thì từ đằng xa, Lại Thế Tế hớt hải chạy lại, nói mình cùng với thủ hạ vừa định vào bắt Hoàng Công Phụ, thì quân mai phục của viên Chưởng phủ đã đổ ra mà đánh trước rồi. Lại Thế Tế chỉ chạy thoát được có một mình còn bộ hạ đều tan nát cả.

Công Thế sự nghĩ việc cửa ô Cựu Lâu (Trường Tiền) không có người canh và quan Lại Thế Tế bị đánh tất là do sự cơ đã bại lộ mà sinh ra. Song đã đến lúc này, thì thoái cũng chẳng được nào, nên đành cứ thúc quân vào đốt phá Vương phủ. Nhưng chỉ trong chớp mắt thì, trong phủ phát ra một tiếng pháo lệnh, rồi cửa phủ mở toang. Hàng trăm bó đuốc từ trong ánh ra. Một viên tướng trẻ tuổi mặc áo giáp bạc cưỡi voi hăng hái tiến ra, phía sau có hàng nghìn quân thiết đột.

Công Thế hoảng sợ, quay lại bảo Vũ Thước:

- Nguy mất rồi, Hoàng Nghĩa Bá mang quân ra dẹp thì ta khó mà địch nổi được nào.

Công Thế vừa dứt lời thì lại bùng lên một tiếng pháo lệnh thứ hai. Về phía hồ Hoàn Kiếm cũng đuốc sáng rực trời. Một viên tướng mặc áo giáp đỏ mang vệ quân "Kim Ngô" tiến vào.

Vũ Thước quay ra, buột lên mấy tiếng:

- Quân Văn Đình Dận!

Bị hai viên hổ tướng đánh áp vào hai mặt, đội thân quân của Vũ Thước cũng như các lực sĩ của Hà Quốc Uy tan vỡ như một đàn ong. Quốc Uy bất đắc dĩ phải dắt Lê Duy Quy chạy xuống Giao đàn mà đi về phía Nam. Bọn Vũ Công Thế, Vũ Thước và Lại Thế Tế chạy sang phía Tây, định đến Nghinh Xuân đài để hợp với Lê Duy Chúc và Lê Duy Mật. Nhưng ba người vừa đến ngang Vọng Tiên quán thì đội Thị hậu đã từ trong bóng tối đổ ra. Đi đầu là một viên tướng người nhỏ xíu. Thấy bọn Công Thế lúng túng, đương tìm lối để thoát thân thì viên tướng đó gọi to:

- Quan Đông Các Hiệu thư đừng chạy nữa. Ngài có biết buổi họp ở chùa Trấn Quốc đêm hôm hai mươi nhăm Tết, còn có người nào dự nữa không? Người ấy chính là tôi đây. Tôi phải ẩn ở trong pho tượng Ngọc Hoàng nên không được cùng với các ngài bàn mưu khởi sự. Xin quan Đông các Hiệu thư xá lỗi.

Nói xong Trương Tiềm phá lên cười, trong lúc đó thì đội quân Thị hậu cũng vừa túm được ba người mà trói lại.

Biết rằng Trương Tiềm đã phát giác cơ mưu của mình, Vũ Công Thế giận đầy lên đến cổ, nghiến răng nói:

- Thằng Trương Tiềm khốn nạn thật! Sống, tao chẳng băm vằm được mày, chết, tao quyết làm cho mày đến cực kỳ điêu đứng.

Trương Tiềm giả như không nghe thấy câu hăm dọa đó, truyên quân giải bọn Vũ Công Thế đến nộp viên Chưởng phủ Hoàng Công Phụ, hiện đã chờ sẵn ở Vương phủ.

Lê Duy Chúc, Lê Duy Mật và một số đồng chí chực ở đài Nghinh Xuân đã gần một trống canh, chợt được tin Lê Duy Quy đã mở được cửa ô mà không phải đánh chác gì cả, thì ai nấy đều vui mừng. Tiếp, lại có tin báo là Vũ Công Thế đã mang thân binh vào vây Vương phủ thì yên chí rằng cuộc đắc thắng chỉ còn cách một gang tay. Nhưng đến khi được tin Lại Thế Tế không bắt nổi Hoàng Công Phụ và quân đã bị đánh tan nát thì, Lê Duy Mật tức giận, thúc ngựa tiến lên, định để giúp Vũ Công Thế đánh phá Vương phủ. Nhưng Duy Mật mới đi được vài trăm bước thì chợt gặp cánh quân Văn Đình Dận từ phường Báo Thiên tiến lại. Duy Mật giao chiến với Đình Dận hàng ba mươi hợp không phân được thua. Không ngờ trong lúc đánh nhau đương hăng, thì lại có quân của Hoàng Nghĩa Bá kéo đến ầm ầm. Biết rằng dăm chục người chẳng khi nào thắng được hàng mấy nghìn quân, đảng Cần Vương tự nhiên vỡ chạy mỗi người một phía. Thế không thể cản được, Duy Mật cũng phải phù Duy Chúc chạy trốn. Ra đến bờ sông, hai người bắt gặp Trần Kiện Nhi là một tỳ tướng của Vũ Công Thế cũng hốt hoảng vừa chạy tới nơi. Cả ba cùng phải bỏ ngựa lại mà cướp lấy một cái thuyền con, để qua dòng sông Nhị.

Khi ngồi dưới đò. Trần Kiện Nhi liền mang việc Vũ Công Thế bị hãm và bị bắt thuật lại cho Duy Chúc và Duy Mật nghe. Kiện Nhi lại khuyên hai người lánh sang Kinh Bắc để tránh cuộc truy nã của quan quân. Nhưng Duy Chúc bùi ngùi nói:

- Vũ tiên sinh và hai bạn đồng chí bị bắt, chưa rõ sống chết thế

nào. Nếu ta bỏ mặc mà cầu lấy yên thân thì đành lòng sao được.

Duy Mật cũng cho ý ấy là phải, nên bàn với Duy Chúc hãy tạm lánh vào nhà một người nội giám cũ là Hoàng Mộng Lương, nhà ở ven sông.

Từ dưới đò lên, ba người cứ dọc theo bờ sông mà len lủi dưới những lũy tre xanh. Trời tối, đường trơn, cứ đi được mươi bước lại phải ngừng, vì lo lạc lối Duy Chúc tuổi đã già, sức yếu lại bị cảm xúc nhiều quá nên toàn thân mệt nhoài. Mỗi lần cơn gió lạnh thoảng qua lại làm cho ông rùng mình đến sởn tóc gáy.

Đi hồi lâu, Duy Mật chợt ngừng lại trước một cái cổng gỗ, hai bên bóng tre rủ xuống tối om. Chàng đập cửa một lúc thì trong nhà có người cầm đèn bước ra. Dưới ánh sáng le lói của ngọn đèn dầu, Duy Mật nhận ra là Hoàng Mộng Lương, một ông già chừng ngoại lục tuần, nhưng thân thể rất vạm vỡ, coi có vẻ tráng kiện không kém gì những người vào nửa số tuổi ấy.

Đêm hôm khuya khoắt mà chợt thấy Hoàng đệ hạ cố đến nhà mình thì Mộng Lương không khỏi giật mình. Nhưng Duy Mật để ngón tay trước miệng, ra hiệu Mộng Lương phải nín tiếng thì lão im bặt, không dám hỏi han gì cả.

Thấy mấy người rét run cầm cập, Mộng Lương vội mời lên nhà giữa và bưng nước lên dâng. Duy Mật mang việc thất bại ở Thăng Long nói qua cho Mộng Lương nghe. Tiếp lại dặn phải giữ bí mật tung tích của mình và nếu có ai hỏi thì chỉ nên nói thác là người về họ ngoại ở xa đến thăm để che mắt những người cùng xóm.

Hoàng Mộng Lương giấu kín ba thầy trò Duy Chúc ở nhà mình luôn mấy hôm tết Nguyên đán. Sang ngày mồng bốn, chợt nghe tin Vũ Thước và Lại Thế Tế bị bắt giam đã tự tử trong ngục Đề Lĩnh rồi. Còn Công Thế thì bị khép vào tội phản nghịch, đến mồng sáu này sẽ bị mang ra hành hình ở bến Thảo Tân.

Duy Chúc vật mình lăn khóc và tự trách là mình đã vụng tính nên làm hại đến tính mệnh của kẻ trung lương. Duy Mật, Kiện Nhi và Mộng Lương phải khuyên giải hồi lâu ông mới nguôi nguôi, nhưng từ hôm đó thì trúng bệnh phải nằm liệt một chỗ.

Sáng sớm mồng sáu, Duy Mật đội khăn lụa, mặc chiếc áo tay rộng màu xanh, giả làm một nho sinh cùng Kiện Nhi sang đò Cơ Xá, đến chờ sẵn ở bến Thảo Tân.

Trước bến, trên một bãi cát rộng, viên phủ doãn Phụng Thiên đã

theo lệnh của Chính phủ cho cắm rất nhiều kỳ, xí, như những hôm có yến hội rất linh đình. Chung quanh bãi, hai đội Tứ kính và Tứ nghiêm cầm khí giới đứng dàn, cứ cách ba bước lại một người, coi rất nghiêm chỉnh. Chính giữa, người ta đóng một cái cọc tre cao chừng bốn thước, hai bên là giá trống và giá chiêng. Người đi xem đứng kín mít hết vòng trong, vòng ngoài, ai nấy đều tỏ vẻ hớn hở, như được chứng kiến một cuộc diễn võ hoặc một vở chèo, chứ không phải để tiễn một vị trung thần, vì thất thế, sắp bị rụng đầu dưới tay đao phủ.

Sang giờ Dần, người ta vẳng nghe có tiếng trống ngũ lôi từ trong cửa ô tiến ra. Mọi người đều nghển trông thì đã thấy phất phới mấy lá cờ đầu, tiếp đến hai toán quân Thị nội và Thị trung vác gươm trần đi thành hai hàng rất đều đặn. Đi giữa là một người tầm thước mái tóc và bộ râu dài trùm xuống khỏi ngực đã điểm hoa râm. Người này chít khăn đầu rìu đỏ và mặc chiếc áo ngắn sắc hồng, trông có vẻ rất đạo mạo, tuy chân đi đất và hai tay bị trói rặt cánh khuỷu.

Hai bên tội nhân, có hai tên đao phủ đi kèm. Sau rốt là viên Hiến sát sứ, giữ chức giám trảm.

Tới pháp trường, người ta bắt tội nhân quỳ xuống, lưng quay vào chiếc cọc tre. Hai tay tội nhân thì bị trói ghì vào chân cọc, khiến cho cái cổ vươn ra như cổ ngỗng.

Tiếp với mấy tiếng trống cái, viên giám trảm dõng dạc đọc bản án, trong kể những tội trạng của tội nhân. Công chúng từ nãy vẫn huyên náo, bỗng lắng lặng lắng nghe. Duy Mật không thể tự kiềm chế được, cố lách vào đến sát một cậu lính Tứ nghiêm, nghĩa là chỉ còn cách tội nhân chừng mươi bước, Kiện Nhi không rời Duy Mật một bước, cũng lách vào theo.

Tội nhân nghe bản án với vẻ mặt rất thản nhiên. Nhưng chợt trông thấy Duy Mật thì nhoẻn một nụ cười rất kín đáo mà người ngoài không thể nhận thấy được. Trái lại, đối với Duy Mật thì nụ cười ấy hình như đã kích thích đến tim phổi chàng. Da mặt chàng tái hẳn và chàng phải nắm chặt hai tay để giảm nhẹ sức đập của trống ngực.

Đọc xong bản án, viên giám trảm đến gần tội nhân, nghiêm nghị hỏi:

- Vũ Công Thế! Là người trong khoa giáp, sao ngươi lại đi theo quân phản nghịch?

Công Thế mỉm cười, đáp:

- Đã lâu nay danh phận mập mờ, nào biết ai là thuận, mà ai là nghịch!

Công Thế vừa nói dứt lời thì từ đám người xem, có một người thân hình nhỏ bé len qua vòng lính, thoăn thoắt chạy vào. Hắn nhổ một bãi nước bọt vào mặt Công Thế, rồi nói lớn:

- Hôm nọ mày đe dọa tao. Hôm nay tao nhổ vào mặt mày để mày báo oán nhân thể.

Công chúng không hiểu đầu đuôi gì cả, thấy thế chỉ rộ lên cười. Duy Mật đã bước lên một bước, định sấn vào vật chết tên này. Nhưng Kiện Nhi cố co lại, chàng mới chịu thôi. Từ đó, chàng chỉ chú ý nhìn người bé nhỏ, quên cả lúc lưỡi mã tấu của đao phủ hạ xuống, làm văng đầu Vũ Công Thế xuống chiếu cạp điều, sau một tiếng trống và tiếng chiêng mà âm hưởng kéo dài ra mãi đến khi tan cuộc.

Tính tò mò của công chúng đã được thỏa mãn, mọi người cùng kéo ra về, Duy Mật vội tiến về phía người ban nãy mà đôi con mắt chàng vẫn không lìa khỏi một chút nào. Kiện Nhi vẫn trung thành đi theo, ghé vào tai Duy Mật nói nhỏ:

- Thằng khốn nạn ấy tên là Trương Tiềm. Chính hắn đã do thám cơ mưu của đảng ta và đón bắt quan Đông các đấy.

Nghe câu nói đó, Duy Mật bỗng nghiến răng thật mạnh, làm cho Kiện Nhi phải rùng mình, tuy bề ngoài, chàng vẫn cố làm ra vẻ bình tĩnh.

Thầy trò Duy Mật theo dõi Trương Tiềm suốt từ bến Thảo Tân qua ô Nghĩa Dũng lên đến phường Yên Hoa. Hắn rẽ vào hồ Trúc Bạch thì người xem đã tản hết, thành ra chỉ còn một mình Tiềm lủi thủi trên mặt thành Đại La và cách hắn chừng hai chục bước, thầy trò Duy Mật theo sau.

Qua chùa Trấn Quốc, Trương Tiềm quay nhìn vào chùa, nhoẻn một nụ cười, biểu lộ hết vẻ đắc chí của kẻ tiểu nhân. Hắn vừa toan rảo bước chân đi thì không khác một mũi tên, Duy Mật đã chạy tuột lên, nắm lấy cổ áo Trương Tiềm. Tiềm giật mình vừa mở miệng toan kêu thì, Duy Mật đã chĩa một mũi đoản đao vào mặt hắn sẽ nói:

- Mày tưởng rằng người đã chết rồi thì không rửa được thù hay

sao? Ta là Hoàng đệ Lê Duy Mật đây. Ta phải giết mày để báo thù cho Vũ Công Thể.

Trương Tiềm, da mặt xanh nhợt như tầu lá, chắp tay lạy lấy lạy để, cố van lơn, cầu Lê Duy Mật xá tội cho. Nhưng mỉm cười một cách khinh bỉ, chàng như nói một mình:

- Những quân khốn nạn này, nếu để sống chỉ làm nhơ bẩn cho giống người. Thôi ta cho mày xuống âm phủ để mày hóa làm trâu ngựa.

Tiếp với lời nói, chàng đưa mạnh lưỡi dao vào cuống họng Trương Tiềm. Từ vết thương vọt ra những tia máu tím bầm. Như một đống giẻ ướt, thân thể Trương Tiềm rũ xuống mặt đất.

Kiện Nhi chứng kiến tấn thảm kịch đó với một vẻ mặt thản nhiên. Khi thấy Trương Tiềm đã tắt thở rồi, chàng liền lượm lấy xác hắn mà quăng xuống hồ. Duy Mật cũng chùi lưỡi dao xuống cỏ cho sạch những vết máu, rồi giắt vào mình. Tiếp, hai người quay lại mà thủng thỉnh ra bãi Cơ Xá.

.

LÊN ĐƯỜNG

Chú cháu Lê Duy Mật lưu ở nhà Hoàng Mộng Lương đã hơn một tháng. Trong hơn một tháng ấy, không ngày nào Lê Duy Mật không cùng với Kiện Nhi vào thành do thám và không một cuộc do thám nào là không tặng cho hai người những kết quả đau lòng: Những đảng viên đảng Cần Vương có mặt trong buổi hội họp ở chùa Trấn Quốc – trong số đó có cả sư Trí Thông – hầu hết là bị bắt và không chịu nổi sự tra tấn cực hình của bọn Hoàng Công Phụ, đều chết hoặc tự tử trong ngục tù. Người nào lanh chân mà chạy thoát được thì hiện thời đều bỏ trốn. Duy Mật tuy cố dò hỏi, nhưng không tìm thấy tung tích họ đâu cả. Đáng thương nhất là hơn một trăm lính Cấm vệ bị Vũ Thước dùng vào trận tập công mà không bảo cho biết mục đích, đều bị Hoàng Công Phụ phát vãng đi các nơi xa. Bố mẹ và anh em những người đã chịu thiệt mệnh rồi, cũng bị bọn quan lại sách nhiễu và hành hạ. Có người vì bị chúng đe dọa, phải bỏ cả nhà cửa, trốn đi nơi khác.

Ngay đến Hoàng tộc, Công Phụ cũng chẳng từ, các Hoàng thân như Duy Đào chẳng hạn, cũng bị hạ ngục, vì bất hạnh đã là anh em ruột với Duy Quy và Duy Mật.

Nghĩ đến những cảnh thương tâm mà gốc ở việc mình thất bại, cả đêm ấy, Duy Mật trằn trọc không sao ngủ được.

Gà vừa gáy lần thứ nhất, đàn chó trong xóm bỗng sủa vang. Tiếng chó trước còn ở mãi đằng xa, sau lan đến hẳn chung quanh chỗ chàng nằm. Duy Mật lắng tai nghe thì phía ngoài xì xào có tiếng người. Chàng vội vùng chăn trở dậy, nhòm qua các khe cửa thì, bên kia giậu, dưới ánh sáng lờ mờ của vầng trăng lưỡi liềm, chàng nhận thấy có nhiều người mặc áo nẹp đỏ, đội nón dấu, theo những mệnh lệnh kín đáo của một viên trưởng quan mà cầm khí giới tản vào các ngõ hẻm.

Duy Mật đoán là quan quân vây nhà Hoàng Mộng Lương, mà vây là cốt ý để bắt Lê Duy Chúc với mình hạ ngục, rồi mang chém và

bêu đầu ở bến Thảo Tân, như Vũ Công Thế mới một tháng vừa qua.

Nghĩ đến cái thảm trạng ấy, Duy Mật bất giác rùng mình. Khắp người chàng toát ra những giọt mồ hôi lạnh ngắt.

Lại rón rén bước vào giường nằm. Duy Mật lần lượt đánh thức Duy Chúc, Trần Kiện Nhi và Hoàng Mộng Lương. Mọi người con đương luống cuống chưa biết xử trí thế nào thì Mộng Lương bỗng nghĩ ra một kế: Cả bọn do cửa mạch, lẻn ra vườn sau, rồi leo qua một bức tường gạch mà trốn ra cánh đồng. Còn nhà thì phóng hỏa để quan quân nửa tin, nửa ngờ, không nghĩ đến việc đuổi bắt.

Kế ấy, đoạn đầu thi hành được một cách rất dễ dàng, vì Mộng Lương chỉ trơ trọi có một mình, nên không lo vợ con hoặc thân thích sẽ vì mình mà chịu lụy. Nhưng khi vượt qua được bức tường gạch thì chỗ dự tính của Mộng Lương sai hẳn: quan quân có lẽ đã hiểu rõ địa thế của ngôi nhà này nên đằng sau cũng như đằng trước, cho vây đông đặc đến mấy vòng người. Người đứng chỉ huy cánh quân này lại là Nguyễn Phi Thông, một tướng xưa nay vẫn nổi tiếng là có sức khỏe hàng hai trăm người không địch nổi, Duy Mật nghĩ thoát cũng hết đường nên giao cho Mộng Lương phù Lê Duy Chúc, còn mình và Kiện Nhi thì cướp lấy của quan quân, mỗi người một gươm mà xung đột vào hàng trận.

Trong lúc Phi Thông giao chiến với Duy Mật thì Kiện Nhi phá vỡ được vòng vây làm lối cho Mộng Lương dắt Duy Chúc ra. Nhưng Duy Chúc đi chưa được bao lâu thì quân lính ở mặt trước, nghe động đều kéo đến đông như kiến cỏ. Kiện Nhi ra sức chém giết, suốt người mồ hôi dội ra như tắm mà vẫn không thoát khỏi vòng nguy. Giữa lúc ấy, Duy Mật đánh lâu, sốt ruột, gắng hết sức đâm một nhát thật mạnh, Phi Thông đưa giáo ra đỡ, nhưng bật cả ngọn giáo ra ngoài. Lưỡi gươm của Duy Mật trúng thẳng vào cổ họng Phi Thông.

Viên tướng này ngã vật xuống chân ngựa. Duy Mật liền nhân cơ hội nhảy tót lên mình ngựa của Phi Thông, hô lớn:

- Ta đã giết được chủ tướng chúng bay rồi!

Bọn quan quân như rắn không đầu, thế đã giảm, lại bị bọn Duy Mật xông đến chém giết, nên mọi người đều giãn ra để cho bọn Duy Chúc, Mộng Lương và Kiện Nhi chạy thoát.

Duy Mật nghĩ đánh nữa cũng vô ích, nên phóng ngựa theo ba người, tuy quan quân, sau những phút kinh hoàng ban đầu đã

định thần lại mà hết sức đuổi theo. Bọn Duy Chúc chạy đến trước một chiếc cầu gỗ bắc qua một dòng sông tuy không lấy gì làm rộng, nhưng nước chảy xiết và lòng thật sâu, thì quan quân cũng đã đuổi đến sau lưng. Duy Mật để cho bọn Duy Chúc qua khỏi, rồi từ giữa cầu lấy roi quất con ngựa một cái thật mạnh, ngựa dún cả bốn chân xuống cầu, thành một tiếng "rầm" thật to, cầu đổ mà ngựa cũng đã nhảy vọt lên bờ, đuổi kịp bọn Lê Duy Chúc.

Quan quân đuổi đến nơi, nhưng không có cách gì sang sông, đành chỉ đứng trên bờ mà bắn tên sang. Những mũi tên nhọn và đầu có tẩm thuốc độc bắn tới như mưa, nhưng đều bị Duy Mật gạt rơi xuống đường, cho đến khi cả bọn đi đã xa, nghĩa là tên bắn không tới được nữa.

Khi liệu chừng quan quân có đuổi cũng không kịp nữa, bốn người mang quần áo của mình mà đổi lấy những khăn nâu áo vải của bọn nông phu, rồi cứ theo đường cái mà đi về phía đông. Dọc đường, thỉnh thoảng lại gặp một bọn người bồng con bế cái và khuân đồ đạc chạy về phía kinh thành. Duy Chúc dò hỏi thì họ đều nói là giặc Ninh Xá nổi lên, khí thế rất hăng, đã tràn vào địa phương của họ nên họ phải chạy trốn. Duy Chúc đương do dự chưa biết có nên đi vào đất giặc hay không, thì chợt đã đến trước một quán nước, lập ngay ở ngã ba đường. Quán này có tới hai ba lớp nhà làm dựa vào nhau, nên quy mô rất rộng rãi và trên chồng hàng bày la liệt đủ cả các món ăn thường. Cứ coi đó thì không ai dám bảo là mình sắp bước vào một nơi có loạn.

Duy Chúc ngỏ ý muốn vào quán nghỉ. Bọn Duy Mật cả đêm dùng sức nhiều quá và trời đã về chiều, vẫn chưa được hột cơm nào lót dạ, cũng vội tán thành ngay. Cả bọn ghé vào quán, bảo lấy cơm rượu ra ăn uống và tự xưng là khách buôn nên bề ngoài hình như cũng chẳng bị ai để ý đến. Nhưng bữa cơm gần tàn thì Hoàng Mộng Lương, hai con mắt bỗng díp lại, rồi ngã vật ra. Duy Mật và Kiện Nhi giơ tay, định đỡ lấy bạn, nhưng chính mình chân tay cũng run lẩy bẩy, không những không đỡ được Mộng Lương mà cũng ngã vật xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Duy Chúc vì không uống một giọt rượu nào cả nên vẫn tỉnh táo như thường, ông còn đương lúng túng không hiểu dùng cách gì để chữa cho ba người thì từ nhà trong, có năm sáu người bước ra, trói chặt lấy Duy Chúc, Duy Mật, Kiện Nhi và Mộng Lương, tuy ba người sau này đã nằm lăn ra như khúc gỗ.

Chúng vực bọn Duy Mật lên những cái cáng để sẵn ở cửa và vẫy bảo Duy Chúc đi theo.

Duy Chúc tự biết rằng sức mình chẳng thể chống được với số đông người, nên cứ cắm cổ mà đi, bỏ mặc cái tính mệnh của mình cho số phận.

Bọn này đi chừng hơn một trống canh thì tới một khu rừng rậm. Len lỏi trong rừng hồi lâu, đến trước một cái hang đá mà bọn áp giải bảo nhau là động Kính Chủ và dãy núi ở miền này là núi Trại Sơn. Chúng giam bọn Duy Chúc trong một túp nhà con làm ở cửa hang và canh phòng rất ngặt, vì suốt đêm lúc nào Duy Chúc cũng nghe tiếng người xì xào ở ngoài cửa.

Tan tảng sáng, Duy Mật và hai bạn đều tỉnh lại. Ba người còn đương bâng khuâng không hiểu tại sao mình lại ở trong gian buồng này, thì chợt đã có một bọn người đẩy cửa bước vào. Chúng giục giã thầy trò Duy Chúc phải đi ngay. Qua nhiều mẩu đá khúc khuỷu, cả bọn đến một khu mà thế hang rộng rãi hơn. Chỗ này kê một cái sập gỗ, trên có hai người ngồi rất nghiêm chỉnh. Người thứ nhất chừng ngoài bốn mươi tuổi, đội mũ bình đính, và mặc áo đoạn tím, coi có vẻ nho nhã như một vị giám sinh. Người thứ nhì đội khăn yến vĩ và mặc áo giáp trắng, ngoài thắt đai vàng, uy nghi như một viên thượng tướng, tuy còn kém người trên chừng mươi tuổi.

Khi thấy giải bọn Duy Chúc vào, viên võ tướng quát hỏi:

- Lũ ngươi là người trong quốc thích và nối đời ăn lộc của triều đình, sao dám làm loạn?

Duy Chúc làm ra bộ run sợ, chắp tay thưa:

- Chúng tôi là người An Quảng4 đi buôn bán về qua đây, nào có biết triều đình với quốc thích là gì mà dám làm loạn.

Viên võ tướng vừa toan hỏi nữa, nhưng người nhiều tuổi hơn gạt đi và bước xuống sập, tiến đến trước Duy Chúc và Duy Mật nói:

- Tôi là Nguyễn Cừ và em tôi là Nguyễn Tuyển, vì bọn quan lại ức chế nên thừa thời khởi nghĩa, để cứu dân độ thế và tôn phù nhà Lê. Việc tướng công mưu phá kinh thành, chúng tôi đã dò biết cả, vẫn hâm mộ đại danh của tướng công. Nay tình cờ được tôn giá đến đất Hồng Châu này, xin lưu lại bản trại để cùng với chúng tôi cùng mưu việc nghĩa.

Duy Chúc toan từ chối, nhưng trông lên tường đá, thấy có một bức họa, trong vẻ cả Duy Chúc, Duy Mật, Duy Quy và dưới đề huyền thưởng tước quận công và 100 lạng vàng cho người nào bắt được

một trong ba người ấy. Duy Chúc cho rằng anh em Cừ, Tuyển đã biết rõ chân tướng mình rồi nên bất đắc dĩ phải thú thực.

- Chúng tôi vì vô tài nên thất bại, các anh em đồng chí bị tiêu một cả. Nay còn sống sót, thật là hổ thẹn vô cùng, có dám đâu ví với các ngài là những bậc anh hùng cái thế.

Chỉ vào bức họa, Nguyễn Cừ nói:

- Ngay từ hôm mồng một Tết, Trịnh phủ đã vẽ chân dung cho đi dán khắp các phủ, huyện để bắt tướng công. Chúng tôi cũng có ý muốn đi đón tướng công, nên khi mang quân xuống đánh lấy huyện Chí Linh, đã lột lấy bức chân dung này. Nay chúng tôi đã may mắn hơn Trịnh phủ là không mất công tìm tòi gì cả mà được tướng công giáng lâm. Vậy xin giữ bức chân dung làm kỷ niệm.

Lê Duy Chúc và Lê Duy Mật thấy anh em Nguyễn Cừ tiếp đãi một cách rất vồn vã thì vui lòng lưu lại và cũng muốn dựa vào thế lực của quân Ninh Xá5 để đánh đổ họ Trịnh là việc mà họ hoài bão từ trước đến giờ. Nhưng đụng chạm với anh em họ Nguyễn trong ít lâu, Duy Chúc nhận thấy rằng Cừ, Tuyển bề ngoài tuy nói là khởi nghĩa để tôn phù nhà Lê, nhưng trong bụng chỉ cốt đồ vương bá cho bản thân mình. Vả, quân của Cừ, Tuyển là một bọn quân ô hợp, thừa lúc các thân tộc của Bính quận công Vũ Tất Thận sách nhiễu dân hai phủ Hồng6 mà nổi lên, chứ không có kỷ luật gì cả.

Cừ, Tuyển lại là người tàn nhẫn chỉ chú trọng vào những mối lợi trước mắt mà không biết nhìn cái hại về tương lai. Cho nên ngày thường hai người vẫn thả quân đi các làng để cướp bóc của dân hoặc mở quán ở dọc đường để đánh thuốc mê và bóc lột hành khách. Người trấn Hải Dương bị giặc Ninh Xá quấy nhiễu, khổ sở không biết ngần nào, nên tuy đã nghèo nàn đến cực điểm, họ cũng phải cố bồng con, bế cái trốn đi nơi khác.

Duy Chúc thường bảo riêng với Duy Mật: “Quân phải lấy dân làm gốc, một đội quân dù mạnh đến đâu cũng vậy, nếu không được dân ủng hộ thì trước sau cũng đến bại vong. Ta coi Cừ, Tuyển không thể làm nên được cơ cục gì. Chúng ta nên liệu tìm nơi khác thì mới có cơ hưng phục được.”

Một hôm, Duy Chúc và Duy Mật cùng với anh em Cừ, Tuyển đứng trước giáo trường xem các quân thao diễn. Chợt có một con quạ bay ngang trời, kêu mấy tiếng đến nhức cả tai. Cừ quay lại bảo Duy Mật:

- Tôi vẫn nghe Đức ông là một thần xạ đời nay. Xin bắn chết con

quạ kia đi, để chúng tôi được thấy cái tài Dưỡng Do Cơ nước Việt.

Duy Mật lắp tên vào cùng hô lớn:

- Nếu trời cho ta thành công thì bắn chết con quạ này.

Dứt lời, cung bật một tiếng, con quạ từ lưng chừng trời, lộn mấy vòng rồi rơi xuống: mũi tên của Duy Mật đã trúng vào cổ con quạ. Ba quân đều vỗ tay khen phục cái tài "bách bộ xuyên dương" của viên tướng họ Lê. Nguyễn Tuyển thấy vậy bất mãn, nói riêng với Nguyễn Cừ: "Hắn chỉ nghĩ đến việc hắn thôi, chứ có thiết gì anh em ta. Các tướng sĩ đều mến phục hắn, sợ một ngày kia, hắn sẽ trở giáo lại thì thật là chúng ta nuôi ong tay áo!"

Nguyễn Cừ cho lời em là phải, muốn ám hại Lê Duy Mật, nhưng còn chờ cơ để hạ thủ.

Duy Mật cũng đoán biết ý ấy nên chỉ đợi khi nào mắt lưới hở ra là vung cánh bay đi nơi khác.

Chợt có tin ở Thăng Long về báo rằng Hoàng Công Phụ đã cất quân sang dẹp, nhưng không may bị bọn Nguyễn Công Thái đánh lừa, cướp lấy kinh thành, rồi truất Trịnh Giang xuống mà lập Trịnh Doanh. Bắc Hà nay đã đổi chủ. Doanh lại là một chúa văn, võ toàn tài, không bao lâu nữa tất sẽ cất quân sang đánh.

Tin đó làm cho Nguyễn Cừ lo sợ. Tuyển bàn với anh nên luyện riết các quân thủy, bộ để liệu chống với Trịnh Doanh. Cừ nghĩ cũng không còn có cách nào khác có hiệu lực hơn nên phải nghe lời. Lục quân giao cho Nguyễn Tuyển chỉ huy, còn thủy quân thì tự mình đứng ra thống lĩnh.

Ngày rằm tháng Tám, Cừ hội chư quân trên sông Bạch Đằng để dự bị một cuộc thao diễn lớn. Cừ đội mũ miện, mặc áo bào tía, ngồi trên long thuyền không khác gì một vị thiên tử. Tuyển thì mặc áo giáp bạc, đội khăn yến vĩ, cầm kiếm lệnh, điều khiển ba quân. Trận thế là quân triều đình do hai mặt thủy, bộ từ ngoài bể đánh vào, quân Ninh Xá ra nghinh chiến, rồi giao phong trên sông Bạch Đằng, kết quả là quân triều đình thua, phải chạy ra bể.

Duy Chúc và Duy Mật tình cờ được cử làm thống lĩnh đội quân của triều đình, nên hai người đã mưu trước, cho Hoàng Mộng Lương và Kiện Nhi cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra chờ ở cửa Nam Triệu.

Đúng giờ Ngọ, Nguyễn Cừ truyền mở hiệu trống, hai quân bắt đầu cuộc thao diễn, cũng hăng hái như khi đánh trận thật, vì hai bên

cùng bắn súng đại bác không ngơi. Sang giờ Thân, quân triều đình (giả) kém thế, dóng chiêng chạy xuống hạ lưu sông Bạch Đằng. Thuyền Duy Mật đi trước, thuận dòng chạy như mũi tên. Tới cửa bể, Mộng Lương và Kiện Nhi nhận biết hiệu cờ, liền bơi gần lại. Duy Mật vội trao cho mấy tên lính chèo thuyền một phong thư, dặn mang về đưa cho Nguyễn Cừ, rồi phù Duy Chúc sang thuyền của Mộng Lương.

Thuận gió, chàng cho giương buồm chạy về phía nam, chỉ chốc lát, không trông thấy cửa Nam Triệu đâu nữa.

Nguyễn Cừ, một lúc sau, ra đến cửa bể, tiếp được thư cáo biệt của Duy Mật thì tức giận, lập tức phái một viên kỳ tướng là Chu Toại mang năm chiếc khinh thuyền đuổi theo.

Trời đã về chiều, luồng gió đông bắc thúc lên những ngọn sóng dữ dội, lớp nọ chồng lên lớp kia, như hàng ức triệu nóc nhà. Từ từ ngả xuống chân trời, vừng kim ô mỗi phút một to thêm, khi xuống đến gần mặt sóng thì, phình ra như một cái nong lửa đỏ ối. Mấy tia nắng úa không chống nổi được với đêm tối, cũng nhạt dần, dãy núi Đồ Sơn, sau rốt chỉ còn là những cái bướu đen, lởm chởm trên làn nước bạc. Chu Toại đuổi đã đến gần thuyền Duy Mật. Cầm ngang ngọn giáo, đứng ở mui thuyền. Toại gọi Duy Mật nói:

- Hoàng đệ đã muốn rời đi nơi khác, chủ tướng tôi cũng không dám giữ nào. Chỉ xin trở lại cùng làm lễ tương biệt và tặng chút lễ vật để làm tiền lộ phí.

Duy Mật thừa hiểu rằng đó là những câu lừa dối, vội trèo lên mui thuyền, vụm tay trả lời:

- Chúng tôi chịu ơn của minh chủ rất nặng. Đi chuyến này, chỉ là để lo cách báo đền. Tôi có một thanh bảo kiếm là vật rất hiếm của phụ hoàng tôi ban cho, xin ném trúng vào giữa mui thuyền, nhờ tướng quân mang về dâng hộ lên minh chủ để tỏ dấu biết ơn của thầy trò Duy Mật.

Chu Toại chưa biết nói thế nào thì chợt có tiếng rẽ gió vù vù rồi tiếp với một tiếng "phập", một thanh kiếm trên nắm có nạm vàng, đã cắm vào giữa mui thuyền. Chu Toại rút kiếm lên xem thì lưỡi sắc như nước và trên nắm có khắc bốn chữ "quốc gia chi bảo".

Chu Toại tự nghĩ nếu mình có đuổi thì cũng vị tất đã bắt được hắn mà tính mệnh mình khó toàn, nên cung kính vái chào, rồi truyền lệnh quay mũi thuyền, trở về phục mệnh.

Duy Mật thì chẳng quản gì đêm tối và sóng gió, cứ buông thuyền chạy thẳng về phía nam. Sáng hôm sau, chàng vừa thức giấc dậy thì, trông ra mặt trước đã thấy những lớp sóng tầy đình của cửa Thần Phù. Chàng nhận kỹ trong đám sương mù, thấy có nhiều thuyền ra vào cửa bể mà thuyền nào cũng kỳ xí rợp trời.

Duy Mật đương lo lại sa vào vòng lưới của triều đình thì trên một cái thuyền chiến, chợt nhận ra một lá cờ lớn thêu hai chữ "Cần Vương". Chàng mừng thầm rằng những thuyền ấy nếu không phải là của bọn đồng chí thì, thế tất cũng không phải là của quân thù, nên cứ điềm tĩnh truyền các thủy thủ, tiến về mặt trước. Nhưng thuyền đi chưa được bao lâu thì Duy Mật thình lình để ý vào một viên tướng trẻ tuổi cầm viễn kính đứng trước thuyền. Viên tướng này mặc giáp đỏ, đội mũ trụ và có khuôn mặt kiều mỵ như một vị tiểu thư giá đáng nghìn vàng. Nhận rõ khuôn mặt đó, chàng bống buột miệng ra mấy tiếng: "Hà Quốc Uy". Chàng chưa dứt lời thì viên tướng trẻ tuổi ấy cũng buông viễn kính xuống mà gọi to: "Hoàng đệ!".

Hà Quốc Uy lập tức cho chèo thuyền lên đón Duy Mật và khi hai thuyền áp nhau, thì chàng mừng rỡ không biết ngần nào, vì những người mà chàng ngờ rằng đã mai một rồi, nay tình cờ lại được gặp.

Hỏi về tin tức của Duy Quy, Hà Quốc Uy nói. Sau khi bị thất bại ở Thăng Long, hai người chạy xuống Sơn Nam, gặp một vị hiệp sĩ là Ngô Hưng Tạo. Tạo cấp tiền, lương, thuyền bè cho và hộ tống vào Thanh Hoa. Lam Sơn vốn là nơi phát tích của Lê tổ khi xưa, nên đối với họ Lê vẫn hết sức trung thành. Nhiều vị hòa mục thấy đệ thập Hoàng tử (Duy Quy) vào lánh nạn thì hết sức phù trì, nay trong tay Duy Quy đã có được dăm nghìn quân và chiến thuyền vài trăm chiếc, thường vẫn cho ra thao diễn ở ngoài bể.

Duy Mật được tin đó thì bao nhiêu cái hy vọng hầu như đã bị tàn vì những cuộc thất bại trước, tự nhiên lại bồng bột hiện ra. Đứng trước mũi thuyền, chàng thở hút những luồng gió bể dào dạt bay vào, thân thể chàng thấy nhẹ nhàng và cái chí phấn đấu có lúc hầu như đã bị tê liệt nay lại mạnh mẽ không kém gì khi mới khởi sự.

Cái giang sơn gấm vóc của trấn Thanh Hoa hình như cũng kích thích cho chàng dự bị một cuộc đời mới. Từ cửa Thần Phù trở vào, dòng sông tuy dần dần nhỏ hẹp, nhưng hai bên núi non u uất, như những thành đá đứng ngăn lấy bờ sông. Càng tiến vào đất liền, sông càng khuất khúc và núi càng cao, phong cảnh lại càng

thêm tráng lệ. Đối cảnh, Duy Mật bất giác ngâm mấy câu thơ của một danh sĩ vịnh cửa Thần Phù:

Lưỡng ngạn thiên phong bài ngọc doãn,

Trung lưu nhất thủy tẩu thanh xà

Giang sơn như tạc, anh hùng thệ.

Thiên địa vô tình sự biến đa.7

Chàng còn mải xem cảnh thì thuyền đã đến trước một cái lũy đắp ngay ở ven sông. Được tin báo trước, Duy Quy đã cùng với các bộ hạ chờ ở cổng lũy để nghênh tiếp.

Giữa lúc không ngờ mà chú cháu, anh em được sum họp với nhau thì sự sung sướng không còn gì bằng. Bị xúc cảm mạnh quá, Duy Quy chỉ ôm lấy Duy Chúc, Duy Mật mà khóc. Hồi lâu, mọi người xúm lại khuyên giải. Chàng mới gạt nước mắt mà mời Duy Chúc và Duy Mật vào trong lũy rồi thết tiệc khoản đãi. Lũy này đắp ở địa phận xã Ngọc Lâu nên Duy Quy lấy ngay tên xã mà đặt tên lũy. Lũy, mặt trước trông ra sông, mặt sau dựa vào núi, nên tuy đắp bằng đất mà thế rất kiên cố, một người ở trong lũy có thể địch được với hàng mấy chục quân ở ngoài. Trên mặt lũy, quân Cần vương lại đặt súng đại bác nên cái sức chiến đấu của nó lại càng mạnh mẽ. Xem cách bố trí và hình thế của lũy Ngọc Lâu, Duy Chúc và Duy Mật đều tấm tắc khen cái tài của người đã khéo chọn địa thế cho lũy này. Và lâm thời, hai người cũng đồng ý là nên lấy lũy Ngọc Lâu làm căn bản.

Một hôm, Duy Quy cho hợp tất cả tướng sĩ lại, xin truy nguyên những việc trước, tôn Duy Chúc lên làm minh chủ. Duy Chúc chối từ không được, bất đắc dĩ lại phải nhận và cắt đặt công việc cho mọi người:

Duy Mật làm thống lĩnh các quân thủy, bộ.

Duy Quy giữ chức Tham tán quân vụ.

Hà Quốc Uy, Tiết chế thủy quân.

Ngô Hưng Tạo, Tiền quân Chánh tướng.

Trần Kiện Nhi, Tiền quân Phó tướng.

Hoàng Mộng Lương Đốc vận lương thảo.

Duy Chúc tự nghĩ với dăm nghìn quân và một cái lũy nhỏ, lập vào nơi thiên hiểm, đành rằng họ Trịnh có muốn đánh cũng rất khó khăn. Nhưng đó chỉ là những phương pháp để yên thân. Nếu muốn mưu việc lớn, tất phải có quân mã và lương hướng thật nhiều. Được như vậy, việc đầu tiên là phải hiệu triệu dân nước, mộ thêm quân và thu dụng nhân tài thì mới mong có cơ thành sự được.

Nghĩ như vậy, Duy Chúc liền cử Duy Mật thảo tờ hịch truyền đi khắp Thanh, Nghệ và các trấn ngoài Bắc.

Bài hịch truyền ra, dân Thanh, Nghệ và Bắc Hà nô nức kéo nhau vào quy phục đảng Cần Vương. Người thì ứng mộ đi đánh giặc, người thì cấp lương để nuôi quân, không bao lâu, những kho, vựa của lũy Ngọc Lâu đã đầy đủ mà số quân lên tới ba vạn. Duy Mật chia quân ra làm năm doanh: trung, tiền, tả, hữu, hậu. Mỗi doanh có một viên tướng đứng đầu, dưới quyền là một viên phó tướng và một viên tham quân coi về việc chuyển vận lương thảo.

Vì muốn báo cái thù năm Đinh Ty, nên quân Cần vương thao luyện chưa được bao lâu, thì Duy Chúc đã thôi thúc tiến quân. Hà Quốc Uy thống lĩnh tiền doanh, dọc theo sông Mã tiến xuống huyện lỵ Thạch Thành. Quân Cần vương đi đến đâu đều được dân chúng bày hương án hoang nghênh nên viên huyện doãn liệu chống cũng vô ích, mang cả nha lại ra đón Quốc Uy xin hàng. Quốc Uy úy lạo viên huyện doãn, rồi đóng quân lại Thạch Thành để chờ đại
quân đến.

Không bao lâu quân Duy Chúc và Duy Mật cũng tiếp tục tới nơi và cùng tiến về trấn lỵ Thanh Hoa.

Viên trấn tướng là Ngô Nhật Chí do Tạo sĩ8 xuất thân, tuy có sức khỏe hơn người, nhưng ít mưu trí, nghe báo cho là bọn giặc cỏ thường nên không lo phòng bị trước.

Khi quân Cần vương chỉ còn cách trấn lỵ chừng năm mười dặm, và các nơi về báo gấp quá, Nhật Chí mới phái một viên tỳ tướng là Hồ Ứng Khâm mang hai nghìn quân đi dẹp. Ứng Khâm lại cũng không phải là người thông thạo về chiến trận nên chưa đến mặt trận đã bị phục binh của Lê Duy Chúc đổ ra đánh phá, quan quân bỏ chạy. Hồ Ứng Khâm không sao cản được, đành cũng phải ôm đầu chạy về trấn thành, xin chịu tội.

Ngô Nhật Chí thấy Hồ Ứng Khâm bị thua, biết rằng thế lực của

giặc không phải tầm thường, liền thảo biểu gửi ra Thăng Long cáo cấp. Còn mình thì thân đem tất cả những quân tinh nhuệ trong thành ra cắm trại ở bờ sông để chờ cự địch.

Ngô Nhật Chí sửa soạn vừa xong thì Duy Chúc cũng vừa tiến quân đến nơi. Hà Quốc Uy hăng hái, xin mang quân ra khiêu chiến. Duy Chúc ưng cho, Quốc Uy điểm lấy năm trăm quân tinh nhuệ, rồi cưỡi ngựa xông thẳng đến trại của quan quân. Nhật Chí vội mang quân ra nghênh chiến, Nhật Chí vốn có sức khỏe tuyệt luân. Quốc Uy không phải là đối thủ nên mới đánh nhau có vài chục hiệp, Quốc Uy đã yếu dần, sang pháp có vẻ lúng túng. Kiện Nhi thấy thế, tiến ngựa ra đánh giúp. Nhưng một mình mà địch với hai người, Nhật Chí không hề thấy khó khăn chút nào. Nhân một lúc Quốc Uy hở cơ Nhật Chí đưa một mũi kích vào giữa ngực, Quốc Uy ngã ngựa chết liền. Kiện Nhi phải quay ngựa bỏ chạy. Nhật Chí vẫy quan quân đuổi theo. Nhưng từ hàng trận quân Cần Vương, một tướng trẻ tuổi đã hăng hái tiến ra, viên tướng ấy mặc áo giáp trắng, đội khăn yến vĩ, cầm chiếc đao thanh long ra ngăn đường. Tướng đó là Duy Mật.

Nhật Chí vốn cậy có sức khỏe, nên không coi ai ra gì cả, cứ xông vào đánh bừa. Song chẳng được bao lâu thì mồ hôi toát ra khắp mình mẩy, chân tay cũng mỏi nhừ, phải quay đầu bỏ chạy. Duy Mật không đuổi nữa, thu quân về trại và làm lễ an táng cho Hà Quốc Uy một cách rất trọng thể.

Hôm sau, Duy Mật đến trại quan quân khiêu chiến. Ngô Nhất Chí lại chực mang quân ra. Nhưng viên Đốc đồng là Trần Ngọc Chi cản lại, nói Duy Mật là một tướng văn võ toàn tài mà hiện lại được lòng dân quy phục. Thế quân Cần vương hiện đương mạnh lắm, nếu đánh, khó lòng thắng được. Chi bằng cứ cáo cấp về triều đình, khi nào có viện binh đến hãy đánh cũng không muộn.

Nhật Chí không theo kế ấy, lại mang quân ra giao chiến. Không ngờ khi đương đánh nhau với Duy Mật thì thấy hậu quân nhốn nháo bỏ chạy. Thì ra Duy Chúc đã lập mưu từ đêm hôm trước. Phái Trần Kiện Nhi và Ngô Hưng Tạo mang quân mai phục sẵn ở cửa trại quan quân. Khi Nhật Chí xung đột với Duy Mật thì quân mai phục đổ ra mà cướp lấy trại. Bọn Trần Ngọc Chi địch không nổi phải bỏ chạy. Nhật Chí trông về trại mình, thấy cắm toàn cờ Cần Vương, không dám đánh nữa, phải thu quân chạy vào thành mà giữ thế cố thủ, hối rằng không theo kế của viên Hiệp trấn.

SẨY ĐÀN

Tại Thăng Long từ năm Đinh Tỵ - năm Duy Chúc mưu phá kinh thành - đến năm Canh Thân - lúc Duy Mật khởi binh tại Thanh Hoa - thế cục đã thay đổi một cách rất nhanh chóng. Uy Nam vương mỗi ngày một dâm đãng quá độ, mắc bệnh không thể coi được việc triều chính. Sau lại bị sét đánh, rồi cứ hễ thấy mưa gió là hoảng sợ, phải đào lỗ xuống đất mà ở để tránh lôi thần. Để che mắt thiên hạ, Hoàng Công Phụ sai một thủ hạ vào ở trong cung giả làm chúa Trịnh, còn chính quyền thì vơ cả vào tay mình, và làm không biết bao nhiêu việc tàn bạo khiến cho ai nấy cũng oán giận. Bọn triều sĩ là Nguyễn Công Thái và Nguyễn Quý Kính phát giác ra việc đó, liền tâu trước với Triệu thái phi, rồi đánh lừa Hoàng Công Phụ ra khỏi đô thành mà lập Trịnh Doanh lên thay Trịnh Giang (Uy Nam vương)9.

Doanh lấy hiệu là Minh Đô vương, tuy chưa đến 20 tuổi, nhưng là một vị chúa văn vũ toàn tài. Những chính sự đổ nát của Uy vương đều được Minh vương sửa sang lại. Bọn công thần bị giết oan đều được phong tặng và con cháu được tập ấm hoặc bổ làm quan. Giặc dã trong nước dần dần Minh vương cũng dẹp yên, cho nên Bắc Hà không bao lâu lại được thịnh vượng, khác hẳn với thời kỳ Uy Nam vương chấp chính.

Khi được tin Ngô Nhật Chí bị Lê Duy Mật vây hãm, Minh vương lập tức sai Đốc lĩnh Sơn Tây là Trần Đình Cẩm mang ba vạn quân vào đánh. Lại cử Bồi tụng là Nguyễn Bá Lân làm đốc thị để giúp Đình Cẩm trong việc hành quân.

Khi quân tiến đến núi Tam Điệp, Đình Cẩm bàn với Bá Lân:

- Duy Mật là tay rất kiệt hiệt, lại thêm có Duy Chúc đa mưu, nếu hai ta cùng tiến vào trấn lỵ Thanh Hoa thì Duy Mật nếu có thua cũng chỉ đến lui quân về lũy Ngọc Lâu. Tôi nghe nói lũy này kiên cố lắm, nếu giặc cố sức chống giữ, thì vị tất chúng ta đã phá nổi. Chi bằng ông mang một vạn quân thẳng đường vào trấn lỵ Thanh

Hoa, cứ huyên truyền là vào cứu Nhật Chí trước và nói phao lên rằng tôi sẽ mang đại quân theo sau. Nhưng sự thực là tôi đi tắt qua phía Tây, dọc dòng sông Lương Giang, thừa lúc quân giặc không ngờ, mà cướp lấy lũy Ngọc Lâu. Mất lũy này, giặc không khác mất tổ, phá tất dễ lắm.

Nguyễn Bá Lân cho kế ấy rất là diệu, nên cứ như thế mà thi hành, nghĩa là cứ thủng thẳng tiến quân, hai hôm sau thì tới trấn lỵ Thanh Hoa.

Ngô Nhật Chí nghe có viện binh đến vội mở cửa thành nghênh tiếp, rồi đón Bá Lân vào mà thuật lại những việc vừa qua. Bá Lân nguyên đã cho do thám nên biết rõ tình hình của địch quân rồi, nên chỉ ứ hự cho qua lần, chứ không sốt sắng gì cả.

Bá Lân đến mặt trận đã gần một tuần, mà không giao chiến trận nào, Nhật Chí không khỏi sốt ruột, thường ngỏ ý thúc giục Bá Lân ra binh, Bá Lân chỉ mỉm cười:

- Các ông muốn đánh thế nào cũng có hôm được đánh. Nhưng hôm nào, đánh thì xin chỉ có tiến thôi chứ đừng lui.

Ngô Nhật Chí cho Nguyễn Bá Lân là văn quan nhát, không dám đánh nên nói thác như thế.

Về phía quân Cần vương, Lê Duy Mật cũng dò biết rằng Trịnh Doanh phái Đình Cẩm và Bá Lân vào dẹp. Khi Bá Lân mang quân đến mà không đánh, Duy Mật không lấy làm lạ vì Bá Lân chỉ là phó tướng, tất nhiên không dám tự quyết, vì phải chờ Đình Cẩm là chánh tướng đến chỉ huy. Đã mấy lần Duy Mật mang quân đến phá thành. Nhưng phía trong Bá Lân, vẫn hết sức phòng thủ nên cũng không sao hạ được.

Một hôm, Duy Mật đương ngồi trong trướng cùng với Duy Chúc và Ngô Hưng Tạo bàn cách phá thành thì chợt có quân vào báo là Hoàng Mộng Lương đã từ lũy Ngọc Lâu cùng mấy tên quân bản bộ chạy đến. Duy Mật truyền cho vào thì thấy Mộng Lương dáng người phờ phạc và đầu quấn khăn tang, coi dung mạo, có vẻ rất tiều tụy. Duy Mật chưa kịp hỏi thì Mộng Lương đã òa lên khóc nói lũy Ngọc Lâu mất và Duy Quy đã tử trận rồi.

Trong lúc hốt hoảng, Duy Chúc và Duy Mật cũng không cầm được giọt lệ, nhưng sợ làm nao núng ba quân, nên phải cố nhịn mà bảo Mộng Lương thuật lại những cớ vì sao mà Ngọc Lâu thất thủ.

Nguyên thám tử của quân Cần Vương không nghĩ đến việc Đình

Cẩm tắt qua dãy núi Tam Điệp mà tiến về miền thượng du trấn Thanh Hoa nên không lưu ý đến cánh quân này. Đình Cẩm được yên tĩnh vòng qua địa hạt Cẩm Thủy mà lộn xuống Thạch Thành, khi gần đến Ngọc Lâu, Đình Cẩm cho đóng quân ở trong rừng, rồi phái người đi do thám các ngả.

Sau khi xét rõ hình thế, Đình Cẩm nghĩ chỉ có một đường có thể vào được lũy, đường ấy là cửa chính trông ra bờ sông. Nếu cứ công nhiên mà đánh thì không thể phá được nào, tuy trong lũy rất ít quân và do Lê Duy Quy là một người không có biệt tài về chiến trận phòng giữ.

Viên thống lĩnh liền nghĩ được một kế: lúc nhá nhem tối, Đình Cẩm phái một viên tỳ tướng là Trương Cao Phong mang năm mươi tên quân ăn mặc giả quân Cần vương đến gọi cửa lũy, nói là Duy Mật phái về lấy lương. Quân trong lũy thấy quân ngoài ít, lại y phục và khẩu hiệu giống hệt quân mình nên không ngờ vực gì cả, mở ngay cửa lũy cho vào. Khi đã qua được cửa lũy rồi, Cao Phong liền chém giết quân canh lũy và đốt pháo lên làm hiệu. Đình Cẩm từ dưới sông thúc quân lên đánh, quân Cần vương bị đánh phá giữa lúc không ngờ, chỉ cắm cổ chạy, giày xéo lên nhau mà chết.

Duy Quy đương ngồi trên tụ nghĩa sảnh, thấy náo động, vội chạy ra, liền bị Cao Phong chém chết mà chặt lấy đầu. Hoàng Mộng Lương liệu biết là thế không thể cứu vãn được nữa, liền cùng mấy tên quân bản bộ, liều chết tháo lấy một lối chạy.

Nghe lời Mộng Lương thuật lại, Duy Chúc và Duy Mật da mặt tái dần. Hai người đoán biết rằng quân Đình Cẩm chẳng mấy lúc nữa sẽ tới nơi, vội truyền cho các đội ngũ phải nghiêm phòng, nhưng lệnh chưa kịp thi hành thì từ phía Tây bụi cát đã bốc mù trời và một lá cờ tướng trên thêu chữ "Trần" đã phất phới bay theo chiều gió.

Trong trấn thành Thanh Hoa, Nguyễn Bá Lân đương cùng các tướng họp bàn cách phá giặc, chợt nghe có tiếng đại bác, Ngô Nhật Chí hung hăng xin ra xem tiếng súng đó ở đâu, nhưng Bá Lân cản lại, mỉm cười:

- Hôm nọ tôi có hứa rằng một ngày kia, ai muốn đánh sẽ được đánh. Ngày tôi hẹn là hôm nay đó, tướng quân nên mau mau ra trận.

Ngô Nhật Chí vội mang quân ra khỏi cửa thành thì thấy quân của

Đình Cẩm và Duy Mật đương xung sát nhau ở phía trước rồi, bấy giờ mới biết rằng Bá Lân đã có kế sẵn.

Nhật Chí hăng hái quất ngựa xông vào mặt trận. Ngô Hưng Tạo vội ra nghênh chiến, nhưng mới đánh được mươi hợp, bị Nhật Chí đâm chết. Quân Cần vương đương cầm cự với Đình Cẩm, chợt có Nhật Chí tiến đến thì rối loạn, tan vỡ một người một nơi. Duy Mật bị Đình Cẩm và Nhật Chí quây vào đánh suốt từ trưa đến tối, người đã mệt nhoài, lại viện binh không có nên cũng phải tìm một chỗ thưa người mà cắm đầu chạy. Nhật Chí thúc quân đuổi theo hàng mấy chục dặm, đến trước một khu rừng thì trời tối, đành phải mang quân quay về.

Đình Cẩm ở phía sau, chém giết hồi lâu, quân Cần Vương kẻ chết người bị thương, trông ra chiến trường chỉ thấy những thây chết ngổn ngang, máu gặp lạnh, đông lại, đóng váng cả trên mặt đất.

Đình Cẩm và Nhật Chí thắng trận trở về thành. Bao nhiêu công trình tổ chức của Duy Quy, Duy Chúc và Duy Mật trong mấy năm trời, không ngờ chỉ trong một giờ, đã tan ra như mây khói.

Duy Mật, cũng may nhờ có rừng rậm, Nhật Chí không dám đuổi đến kỳ cùng nên thoát chết, nhưng người mỏi, bụng đói, đành cứ phóng cương cho ngựa đi vơ vẩn ở trong rừng. Chợt đến một khụm cây mà lá rũ xuống tối đen, con ngựa bỗng ngừng lại mà hý lên một tiếng thật to. Duy Mật như người ngủ mê, bỗng choàng dậy. Chàng bước xuống, nhìn về phía trước, thấy có một người nằm phục xuống đất mà rên rỉ. Chàng ghé xuống nom vào tận mặt người ấy thì là Duy Chúc. Duy Mật bất giác òa lên khóc, Duy Chúc nghe tiếng cũng bừng mắt ra, thấy Duy Mật thì nước mắt ứa ròng ròng.

Cố nuốt sự đau khổ, Duy Mật hỏi Duy Chúc tại sao lại một mình, nằm trơ trọi nơi này thì, Duy Chúc liền trỏ vào ngực mà nói được một câu: "Ta chết, mọi việc sau nay là ở cháu." Rồi nhắm nghiền mắt lại.

Duy Mật do theo ngón tay của Duy Chúc mà nhìn nhận thì thấy giữa ngực Duy Chúc có một mũi tên, ngập xuống đến tim. Chàng cúi xuống rút mũi tên ra thì Duy Chúc hét lên một tiếng mà tắt nghỉ.

Trước cái xác chết của Duy Chúc là người thân thiết sau cùng của chàng, Duy Mật tự nhiên thấy bao nhiêu sự đau khổ cùng một lúc đều hiện ra. Không tự kiềm chế nổi, chàng ôm lấy cái xác mà khóc,

tiếng khóc thảm thiết của chàng, bị hàng ức triệu lá cây vang động trở lại, làm cho cả khu rừng cùng bị chìm đắm vào một cảnh thê lương, ảm đạm.

Thất vọng quá, Duy Mật nhắc lấy lưỡi gươm, toan đâm cổ tự tử để chết theo Duy Chúc, thì chợt phía sau có người dằng lấy gươm, chàng quay lại thì là Kiện Nhi. Nguyên trong cuộc xung sát, Kiện Nhi vẫn theo liền với Duy Chúc. Chợt thấy Duy Chúc trúng tên, ngã ngựa thì Kiện Nhi vội tiến lên ôm lấy Duy Chúc mà chạy vào khu rừng này. Đến đây, Duy Chúc kêu khát nước, chàng liền để Duy Chúc đó mà đi tìm nước uống, không ngờ lúc quay về thì Duy Chúc đã chết rồi và chàng lại phải chứng kiến một cái thảm trạng thứ hai là Duy Mật đương toan tự sát.

Kiện Nhi khuyên giải hồi lâu, Duy Mật mới lau khô giọt lệ, rồi lấy gươm đào đất mà đắp điếm cho người thiệt mạng.

Suốt đêm ấy, Duy Mật và Kiện Nhi nằm ấp trên mồ Duy Chúc. Sáng sớm, hai người sợ quân sục bắt nên ăn vội một chút lương khô mà Kiện Nhi mang theo, rồi lang thang tìm ra cửa rừng, không ngờ đi mới được dăm chục bước thì đã tới sông lớn mà bờ nọ cách bờ kia có hàng non một dặm. Hai người nhìn quanh quất, thì ở ven sông có một chiếc thuyền ván, Kiện Nhi bước xuống xem thì trong thuyền không người, nhưng có đủ cả lương thực và các vật cần dùng như buồm, neo và chài lưới.

Kiện Nhi cho đó tất là một cái thuyền chài và bể chắc cũng không xa, nên bàn với Duy Mật nên xuống phăng thuyền này mà phóng ra bể. Duy Mật dùng dằng không nỡ, nhưng Kiện Nhi lấy ở trong bọc ra hai lạng bạc để ở chỗ cắm thuyền, rồi co Duy Mật xuống mà nhổ sào, cho thuyền xuôi theo hạ lưu con sông đó.

Kiện Nhi đoán quả không sai, vì thuyền đi từ sáng sớm đến quá trưa thì thấy lòng sông đã rộng ra không biết mấy lần và phía trước chỉ thấy mênh mông những trời với nước.

Liệu chừng đã sắp ra khơi rồi, Kiện Nhi liền ghé vào một bên gần ngay bờ sông mà mua thêm một ít đồ thiết dụng. Khi Kiện Nhi quay xuống thì Duy Mật sửa soạn mọi việc cũng vừa xong, hai người liền dương buồm cho thuyền dong ra bể.

Đứng trước những ngọn sóng dữ dội của cửa Thần Phù, Duy Mật lại hồi tưởng lại những việc đã xảy ra từ năm năm về trước, lần đầu tiên chàng được mục kích những cảnh trí thiên nhiên của cửa bể này. Lần ấy, cũng sau những cuộc thất bại đau đớn của đảng

Cần vương. Nhưng để tự yên ủi, chàng còn có chú, có anh và bao nhiêu người khác nữa, cũng như chàng, cùng nuôi một hy vọng. Nay những người ấy lần lượt đều đã là người thiên cổ mà những cảnh trí thiên nhiên của đất trời thì vẫn không suy suyển mảy may. Chàng tự thấy thân mình nhỏ xíu, bên cạnh những thành tích vĩ đại của Hóa công. Cái thân mình dù mất hay còn, cũng không thiệt gì đến đại cục của trời đất. Song chàng lại nghĩ như Tô Thức đời Tống, núi sông tuy còn mãi, nhưng là vật vô tri, tự nó không có giá trị gì. Trái lại, đời người dù không được lâu dài, nhưng nếu đã làm nên sự nghiệp thì danh còn mãi mãi. Vào sinh ra tử, phải chăng là chàng đã tự luyện cho ba chữ tên mình được bền vững với núi sông, tuy thân chàng không thể tránh được đạo luật thiên nhiên của trời đất là sẽ hư nát cùng cây cỏ.

Nghĩ đến đấy, Duy Mật thấy hứng chí, cầm bơi trèo, gõ dịp vào mạn thuyền mà hát:

Trời cao vòi vọi hề, bể rộng mênh mông

Gió thổi gắt gao hề, sóng vỗ đùng đùng

Ngang trời dọc đất hề, một chiếc thuyền bồng.

Vào sinh ra tử hề, chẳng chút sờn lòng.

Là đấng anh hùng,

Bọc xương da ngựa

Dù thành dù bại

Tên lưu muôn thuở

Nằm gai nếm mật

Nào dám tiếc công

Ai khen chê? Mặc!

Ta vững một lòng.

Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Há chẳng danh gì với núi sông.

Càng hát, Duy Mật càng thấy trong lòng phấn khởi, tiếng chàng át cả tiếng sóng. Giữa một cảnh mà món bài trí là trời, là nước, cái

dung mạo hùng tráng của Duy Mật khiến cho người ta hình dung chàng như Hạng Vũ ở Cai Hạ, hay Quan Vân Trường khi hội yến ở Giang Đông. Thời đại tuy có khác, nhưng tâm trí của người anh hùng bao giờ cũng là một.

TRONG ĐIỆN VẠN THỌ

Chiếc trống treo lủng lẳng trên cửa Đoan môn vừa điểm hai tiếng. Mấy ngọn đèn dầu lạc dần dần tắt nốt, đẩy kinh thành Thăng Long vào một cảnh âm thầm. Bọn lính túc vệ, danh là đi tuần, nhưng cũng chỉ là cầu cho tắc trách, đã tìm được một nơi hẻo lánh mà ngủ im thin thít.

Về phía cửa Tuyên Vũ, dưới chiếc hào sâu thăm thẳm, nếu ai nhận kỹ, sẽ thấy một cái đầu người lừ lừ trôi trên mặt nước. Cái đầu đó giạt dần vào phía chân thành. Nhưng khi đã đến sát bờ hào rồi, thì cả cổ cũng nhô lên, tiếp đến mình, rồi đến tay chân. Góp cả lại thành một hình người to lớn và nước da hồng hào, trông toàn thể không khác một vị lực sĩ mà người ta thường tả trong các truyện cổ tích. Người này ẩn vào một chỗ tối, rồi ung dung bỏ những khăn áo quấn trên đầu xuống mà mặc vào mình. Khi đã vuốt lại cho chiếc khăn yến vĩ và những nếp áo được phẳng phiu, lực sĩ lôi từ dưới hào lên một tấm vải ướt mà một đầu có buộc một hòn gạch to. Chàng cầm giữa tấm vải mà vung lên một cái thật mạnh, đầu có hòn gạch vắt sang bên kia mặt thành, đầu đằng này thì thòng lọng xuống, không khác một tấm câu đối thật dài, treo lủng lẳng trên bức tường gạch sạm đen là cái màu đặc biệt của gió, mưa và năm, tháng.

Lực sĩ bám lấy đầu tấm vải mà leo thoăn thoắt lên mặt thành. Khi đã tới đích rồi, chàng liền rút đầu vải ở ngoài thành lên mà cuộn lại, rồi giấu kín trong một bụi cỏ. Từ đó lực sĩ không phải lo ngại gì nữa, vì phía trong từ mặt thành xuống đất có bậc gạch, đi lại rất dễ dàng. Điều đáng dè dặt là tai mắt của bọn lính đi tuần, nên lực sĩ cứ lựa những chỗ khác khúc khuỷu mà đi và luôn luôn ẩn mình trong bóng tối.

Đi chừng một lát, lại đến trước một bức tường gạch, chỉ cao gấp hai đầu người nên lực sĩ nín hơi nhảy một cái là vượt qua. Phía trong bức tường này, hiện ra một tòa lâu đài rất tráng lệ, tuy nước

thếp vàng ở những cột và cửa võng đã phai gần hết và trên thềm đá lát hoa, nhiều chỗ bị cỏ gấu và rau sam xâm lấn. Lực sĩ hình như đã gửi một cái dĩ vàng buồn thảm trong tòa lâu đài này nên chợt trông thấy ba chữ "Cần Chánh điện" khắc trên một bức hoành sơn treo ở ngay cửa vào thì, toàn thân rung động và chân không bước nữa.

Điện Cần Chánh trong cung vua Lê quả là công trình kiến trúc đẹp nhất tại Đô thành. Người ta xây nó hồi vua Lê Thái Tổ bỏ cái danh hiệu Bình Định Vương mà lên ngôi Hoàng đế ở Thăng Long. Từ đó, các vua Lê kế tiếp nhau lên trị vì đều có sửa sang lại điện Cần Chánh ít nhiều và đều dùng điện ấy làm chỗ thị triều. Về thế kỷ thứ XXII, điện Cần Chánh đã làm chỗ trú chân tạm thời cho cha con họ Mạc và vua Lê phải vào ở tạm đất An Trường10. Nhưng khi Trịnh Tùng đuổi được Mạc Mậu Hợp thì điện Cần Chánh cũng như tất cả kinh thành Thăng Long, lại trả về chủ cũ của nó là vua Lê.

Xin các bạn đọc tha thứ cho chúng tôi cái tội đã chú trọng vào tòa lâu đài này nhiều quá. Nhưng rồi đây các bạn sẽ cùng nhìn nhận như chúng tôi là điện Cần Chánh của vua Lê đã có mật thiết quan hệ với vai chính trong truyện này và nó là cái tang chứng rất rõ rệt trong cuộc hưng vong của một triều đại.

Như trên chúng tôi đã nói, Trịnh Tùng từ khi giật lại được cho nhà Lê cái giang sơn nhất thời bị sa vào trong tay họ Mạc thì, điện Cần Chánh lại được sửa sang cẩn thận và xây thêm hai dãy đãi lậu viện, rập theo kiểu điện Cần Chánh của Tàu. Rồi, mỗi tháng hai kỳ, ngày Sóc và ngày Vọng, vua Lê ngự ở điện Cần Chánh để bàn chính sự với các quan, trong số có cả chúa Trịnh. Nhưng thế lực của vương phủ mỗi ngày một mạnh, dần dần lấn hết cả uy quyền của vua Lê. Chúa Trịnh vào chầu, trước còn lạy sau không lạy nữa, cho đặt ngay một cỗ sập ở bên tả ngự tọa mà ngồi. Đến đời Trịnh Giang thì Chúa cũng chẳng vào chầu vua nữa, các quan văn vũ họp ngay ở bên vương phủ để bàn cách trị dân. Thế là triều đình bị bỏ không. Điện Cần Chánh trước kia được người ta ra vào tấp nập và coi như một chỗ rất tôn nghiêm, nay trở nên vắng vẻ, đến hàng năm không có vết chân người qua lại. Họa chăng chỉ có đàn chim sẻ đến làm tổ vào những khe tường hoặc trên góc những bức hoành phi, để tàn phá nốt một vật đã bị thời gian tàn phá.

Vị lực sĩ mà từ nãy đến giờ, chúng ta vẫn để đứng trước cửa điện Cần Chánh, lúc còn nhỏ đã được chứng kiến cuộc toàn thịnh của đền này, nhất đán trông thấy nó bị hoàn toàn hoang phế thì không khỏi rùng mình, nhất là chàng lại là một trong những người đã được cái vinh dự làm chủ nhân của nó.

Một luồng gió lạnh chợt thoảng qua làm cho lực sĩ như đương ở trong giấc mộng triền miên, bừng tỉnh dậy. Chàng thủng thỉnh bước vào trong điện, rồi như người ở đó đã lâu ngày, nghĩa là thuộc hết cả đường lối, chàng lấy tay đẩy một cái then gỗ, cánh cửa nách bỗng mở hé ra. Chàng lách mình qua cánh cửa đó thì tới một cái sân rộng lát đá hoa, chung quanh có nhiều chậu cảnh bày trên những cái đôn bằng sứ. Phía trong chiếc sân này, là một tòa lâu đài thứ hai nữa, cũng tráng lệ, chẳng kém gì lâu đài trên. Nhưng còn được có người trông nom, vì ba chữ "Vạn Thọ cung" ở trên mái hình như mới tô điểm lại.

Lực sĩ đi thẳng vào gian đầu cung "Vạn Thọ", thấy phía trong còn có ánh đèn. Chàng trông qua khe cửa, thấy trên có một cái sập sơn son có một thiếu niên đương nằm đọc sách, bên cạnh là một cây bạch lạp để trên cái án thư gỗ trắc.

Lực sĩ sẽ đẩy cửa bước vào. Thiếu niên nghe động bò nhỏm dậy, miệng thảng thốt:

- Duy Mật!

Lực sĩ mà các bạn đã nhận ra là Hoàng đệ Duy Mật - quỳ phục xuống đất, nghẹn ngào nói:

- Xin Hoàng thượng xá cho thần cái tội đã làm xúc động đến thánh thể và các anh em tôn thất, vì thần mà mang lụy.

Thiếu niên - vua Vĩnh Hựu - lúc ấy không phân biệt gì là vua với bề tôi nữa - vội bước xuống, ôm lấy Duy Mật mà khóc. Hồi lâu, nói:

- Trong năm năm trời nay, không lúc nào ta không tưởng nhớ đến em. Sau lần thất bại ở Thăng Long, ta tưởng không bao giờ được thấy mặt em nữa. Không ngờ ngày nay..., có lẽ Thượng đế chưa nỡ để cho nhà Lê ta đến tuyệt diệt.

Sau khi Duy Mật thuật lại cuộc thất bại ở Ngọc Lâu và cái chết thảm khốc của Duy Quy và Duy Chúc, vua Vĩnh Hựu hỏi:

- Hiện thời em đã có chủ định gì chưa?

Duy Mật cúi đầu đáp:

- Tâu bệ hạ, thần ở Thanh Hoa chạy ra đây mới hơn một tuần, ngày đêm vẫn phải lẩn núp một nơi, nên chưa dám có định kiến gì cả.

Nghĩ ngợi một chút nhà vua phán:

- Chức Hồng lô là Bùi Sĩ Ngân, tháng trước có phái người về mật tâu với Trẩm là định khởi quân tại Sơn Tây để trừ họ Trịnh. Khanh nên đến đó mà giúp Sĩ Ngân họa may có thể thành công được. Sợ khanh chưa gặp mặt Sĩ Ngân bao giờ, hắn không tin chăng. Vậy nên cầm lấy thanh bảo kiếm này làm tin và nói là do trẩm phái lên giúp đỡ.

Vừa nói, nhà vua nhấc lấy một thanh kiếm treo trên tường mà trao cho Duy Mật. Chàng quỳ đỡ lấy thanh kiếm rồi lậy tạ lui ra. Vua Vĩnh Hựu trông theo đến khi chàng đi khuất vào những lớp tường tối om của điện Cần Chánh, rồi mới quay vào phòng mà khép cửa lại.

Duy Mật sở dĩ đi lại trong cung được dễ dàng như vậy, là vì, hồi này nhà Lê đã suy đến cực điểm. Món thuế một nghìn xã mà họ Trịnh dành cho vua Lê, chẳng đủ nuôi sống vài trăm người trong Hoàng tộc, còn nói chi đến người ngoài. Cho nên các quan lại cũng như những cung tần, người nào muốn cầu phú quý, đều kéo cả sang bên Phủ liêu, triều đường rút lại, đã bị hãm vào hai cảnh điêu đứng cũng đáng ái ngại như nhau, điêu đứng cả về tinh thần lẫn vật chất.

Ra khỏi hoàng cung, Duy Mật ghé vào nhà Thái miếu, một ngôi đền, trước kia cũng nguy nga lắm, nhưng nay cũng không tránh khỏi cái công lệ của tất cả những vật gì ở trong quyền sở hữu của vua Lê, là hoang tàn. Cắp tay đứng trước miếu, chàng lẩm nhẩm khấn các đấng tiên vương, cầu phù hộ cho chàng. Không rõ những lời cầu nguyện của Duy Mật có thấu đến thần linh không, chỉ biết rằng chỗ này đã lâu không ai qua lại, nay chợt có tiếng người thì cứ từ những cái xà nhà mục nát, đàn chim sẻ bỗng hoảng sợ bay ra, làm cho Duy Mật rùng mình mà rảo bước.

Lại theo con đường cũ, chàng lên mặt thành thì cuộn vải hãy còn nguyên chỗ cũ. Chàng lại dùng nó làm thang mà leo xuống chân thành. Khi chàng đương trút quần áo ra mà quấn lên đầu, để lại bơi qua hào thì, từ trên mặt thành, cách chỗ Duy Mật, chừng dăm chục bước, chợt có một sợi dây thòng lọng xuống, rồi hai chân người thò xuống mà cặp lấy đầu dây. Một ý nghĩ chợt thoảng qua khối óc của Duy Mật, chàng rón rén chạy đến chờ ở cuối dây. Khi người ở trên vừa xuống đến mặt đất, liền bị Duy Mật nắm chặt lấy ngực áo, tay bên kia thì dơ kiếm lên dọa.

Người mới xuống bị Duy Mật tóm lấy giữa lúc không ngờ, nên da

mặt tái nhợt và miệng ấp úng mấy tiếng mà không ai hiểu được là hắn muốn nói gì. Nhưng Duy Mật vẫn bình tĩnh, hỏi:

- Chúa Trịnh sai mày dò xét ta phải không?

Người lạ mặt hai hàm răng đụng vào nhau cầm cặp, thưa:

- Thật không phải tôi định ý dò xét ngài. Chúng tôi là một bọn thám tử do nhà Chúa sai sang dò xét hành vi của vua Lê. Vì ngài vừa vào chầu vua nên tôi phải theo dò tung tích để về "khải" với Chúa.

Chàng bỗng lại hỏi:

- Mày có biết ta là ai không?

Thám tử lắc đầu.

- Vua Lê với ta nói những chuyện gì, mày có biết không?

Thám tử lại lắc đầu, nói:

- Tôi không dám theo vào cung Vạn Thọ nên không được biết.

Duy Mật thấy lời nói của hắn có vẻ thành thực nên động đến từ tâm, nói:

- Ta tha cho mày. Nhưng ta cấm mày không được trình báo gì về những việc ta làm hôm nay. Nếu mày làm trái lời ta, quyết ta không để cho mày được toàn tính mạng.

Thám tử vâng dạ, rồi lủi vào chỗ tối mà đi. Còn Duy Mật thì lại lội qua hào, đến quán Nghinh Xuân là nơi Trần Kiện Nhi đứng chờ từ trước, rồi hai người dắt tay nhau thủng thỉnh lên phường Yên Phụ.

TẤM LƯỚI CỦA HỌ TRỊNH

Hôm sau, cũng vào buổi tối, trên bờ sông Nhị, chỗ giáp với chân thành Đại La, tuy còn có ít nhiều lái mành và dân chài ở ngoài bãi đi lại, song trời lất phất mưa, đường lầm lội nên ai nấy đều bước rảo, không hề để ý đến những sự vật ở chung quanh mình. Dưới sông, thuyền đỗ san sát như lá tre. Dù không đến gần, người ta cũng có thể biết được rằng những thuyền ấy đã nghỉ tay chèo, vì những ngọn đèn dầu để ở khoang thuyền lấp lánh như hàng nghìn vạn ngôi sao, vẫn đứng yên một chỗ.

Từ một trong những chiếc thuyền ấy, hai người đủng đỉnh bước lên. Người đi trước, tay cầm kiếm, hình như để dẫn đường. Người đi sau bưng một cái quả sơn son, trong đựng vàng hương và một ít hoa quả. Hai người đi đến bến Thảo Tân thì rẽ vào một cái tha ma ở liền với bờ sông. Đến trước một ngôi mộ trên có cái bia còn khắc mấy chữ "Nghịch thần Vũ Công Thế" thì hai người cùng dừng chân lại.

Người bưng quả - Trần Kiện Nhi - đặt các lễ vật lên mộ, rồi cung kính đứng ra một bên, nhường chỗ cho người đi trước - Lê Duy Mật - bước vào.

Quỳ trước một Vũ Công Thế - ngôi mộ mà trước đây một tên đầy tớ của Công Thế, vì nghĩ tình chủ cũ, đã lượm lặt di hài mà táng qua quéo ở bến này - Duy Mật bất giác nghĩ đến tất cả những đồng chí mà sự thất bại đã chôn vùi. Bao nhiêu những cái dĩ vãng đau đớn lại lần lượt hiện ra trước mắt chàng. Không thể tự kiềm chế được, Duy Mật òa lên khóc. Tiếng khóc thảm thiết của chàng vào lúc đêm vắng, hòa với tiếng giun, dế, làm rung động cả một khúc sông, khiến cho người ngoài có cái cảm tưởng như mình đứng trước hàng ức triệu oan hồn vừa thoát ra ở nơi âm phủ.

Từ trong phường Nghĩa Dũng, gà đã cất tiếng gáy lần thứ nhất. Kiện Nhi vội thu các lễ vật lại và giục giã Duy Mật ra về. Duy Mật gạt nước mắt, toan lạy tạ đứng lên thì, trong đêm vắng, bỗng rít

lên một tiếng tù và, rồi không hiểu tự đâu, bốn mặt đều có quân lính mặc áo nâu đỏ và cầm khí giới đổ ra. Người đi đầu, nhờ có ánh sáng chói lọi của mấy bó đuốc, Duy Mật nhận ra chính là người mà chàng đã tha chết cho ở đàn Nghinh Xuân đêm trước.

Người này hoa lưỡi kiếm lên, hô lớn:

- Ai bắt sống được Lê Duy Mật sẽ được thưởng một vạn quan tiền.

Câu hứa đó đã gợi được một cách rất mạnh mẽ lòng ham muốn của mọi người, nên bọn quân lính, chẳng cần phải ai thúc giục, đều xô đến quây kín lấy Duy Mật.

Biết rằng mình ở vào một tình thế rất nguy hiểm, Duy Mật vung thanh kiếm lên, đâm bên tả, chém bên hữu. Nhưng một tên quân chết thì lại hàng năm bảy tên quân khác sán lăn vào. Số quân lính bị giết, thây đã ngổn ngang cả trên bãi tha ma mà cuộc chiến đấu vẫn hăng hái không kém gì trước.

Khi chàng đang hết sức xung đột thì một tên quân từ ngoài xa, vung một cái câu liêm vào. Câu liêm ấy tình cờ mắc phải búi tóc chàng. Bọn quân lính không bỏ lỡ dịp, cùng giật mạnh chiếc câu liêm, Duy Mật ngã sấp mặt xuống. Thế là hàng trăm tên quân cùng xô vào, đè lên mình chàng mà trói gò chàng lại.

Chủ đã bị ngã, Kiện Nhi liệu một mình không làm gì được, vội nhảy ùm xuống mặt sông. Bọn quân lính cho là chẳng đáng khinh trọng, không buồn đuổi theo nên Kiện Nhi trốn thoát.

Giải đến trước viên Tứ thành đề lĩnh, Duy Mật cố ý chối cãi, nói mình là một lái buôn, đương đêm lên viếng mộ một người thân thiết trên bến Thảo Tân. Nhưng Ngô Nho - viên tướng đứng đầu bọn quân lính ban nãy hay cũng là thám tử mà chàng tha chết hôm qua - đã đến đó mà tố giác chàng. Theo lời tên này, thì ngay khi chàng mới bước chân lên bến Thảo Tân, hắn đã dò biết tung tích của chàng rồi. Từ đó, hắn theo dò từng bước. Chàng đi đâu? Chàng giao tiếp với ai? Những hành vi của Lê Duy Mật trong ngót nửa tháng trời, Ngô Nho nhất nhất cung xưng cả ra.

Duy Mật không thể cãi được nữa.

Người ta tạm giam chàng ở ngục đề lĩnh, chờ Minh Đô vương về xét xử.

* * *

Duy Mật bị giam trong ngục đã ngót nửa tháng. Trong nửa tháng ấy, mỗi tiếng sịch cửa đều làm cho chàng thảng thốt như đã có người đến giải chàng ra chốn pháp trường.

Tuy vậy, Duy Mật vẫn còn sống.

Hơn nữa, chàng vẫn được người ta cho ăn uống rất đầy đủ, khác hẳn các tội nhân thường.

Tại sao Duy Mật được sống lâu như vậy, đáng lẽ cái tính mệnh của chàng chỉ ở trong một khắc hay một giờ?

Đó là điều Duy Mật cố tìm biết mà không sao biết được.

Chàng bực dọc không biết ngần nào. Vì chàng yên trí là trước sau chàng cũng chết và chỉ cầu chết sớm cho chóng được siêu thoát. Nhưng muốn cũng chẳng được. Chàng đành phó mặc cái thân thế của mình cho số mệnh.

Một đêm, chàng đương thiu thiu ngủ thi thoảng có tiếng gọi sẽ: "Duy Mật!". Chàng lắng tai nghe thì tiếng ấy lại gọi dồn: "Duy Mật! Duy Mật! Mau mau tỉnh dậy!"

Duy Mật nhận đích là người ta gọi mình, ngồi nhổm dậy thì thấy ngay trước mắt, dưới ánh trăng lờ mờ, hiện ra một thiếu niên mà dáng dấp kiều my như một vị tiên nga. Thiếu niên có đôi mắt lóng lánh như nước hồ thu. Lại thêm cặp môi xinh xắn như một vết son điểm trên khuôn mặt trái xoan, phủ bằng nước da trắng nuột. Thiếu niên búi tóc trần, mặc áo chẽn, ngoài thắt một dải lụa xanh và tay cầm kiếm.

Thiếu niên đến trước Duy Mật, chắp tay vái chào, nói:

- Xin mời Đức ông đi theo tôi ngay.

Nhưng chợt trông thấy chân tay Duy Mật đều bị xiềng xích cả thì mỉm cười nói tiếp:

- Xin Đức ông tha lỗi cho. Tôi quên không để ý đến những của nỡm này nó làm cho Đức ông bị vướng vít, không cử động được.

Rồi, chẳng chờ cho Duy Mật trả lời, thiếu niên cầm lấy cái xích sắt, co mạnh một cái, xích đứt ra làm đôi. Cùm và xiềng cũng lần lượt bị thiếu niên bẻ gãy, như người khác bẻ một thanh củi mục.

Duy Mật thấy một người dung mạo yêu kiều như thế mà có sức

khỏe phi thường thì kinh ngạc không biết ngần nào. Chàng còn đương ngơ ngẩn như trong một giấc chiêm bao thì thiếu niên đã làm xong mọi việc, co tay chàng đi, nói:

- Xin mới Đức ông đi. Chúng ta phải nhanh chân lên một chút, không có trời sáng mắt.

Qua những phút kinh ngạc ban đầu, Duy Mật nhanh nhẹn cùng đi với thiếu niên. Ra đến cửa chính thì gặp một tên lính canh cửa vừa qua. Thiếu niên, một tay nắm lấy cổ tên lính, một tay trật chiếc khăn đội trên đầu mà nhét vào mồm hắn, trong lúc Duy Mật tháo dây lưng của tên lính ra, trói gò hắn lại mà để vào một góc tường.

Đi khỏi chỗ này, thì đến một ngôi nhà rất cao, xây liền ngay với vệ đường. Nhanh nhẹn, thiếu niên bám vào cột nhà mà leo lên xà nhà. Duy Mật trông lên thì trên mái nhà có một lỗ thủng lớn, khiến cho chàng trông rõ cả trời. Chàng hiểu rằng chính do lối đó mà thiếu niên vào ngục cứu chàng, nên Duy Mật cũng trèo lên theo, rồi hai người cùng do lối đó mà ra khỏi nhà ngục.

Vừa xuống đến đường phố thì lại chợt nghe có tiếng sẽ nói:

- Xin chúc Đức ông được mạnh giỏi.

Chàng trông về phía phát ra câu ấy thì là Trần Kiện Nhi. Kiện Nhi giắt ba con ngựa tiến lại phía chàng với những nét vui mừng trên mặt.

Thiếu niên khiêm tốn mời Duy Mật lên ngựa, rồi cả ba người cứ lẳng lặng đi về phương Tây. Thỉnh thoảng, Duy Mật liếc nhìn, thấy thiếu niên có vẻ kiều diễm như một vị tuyệt thế giai nhân. Thiếu niên đôi khi cũng nhìn trộm lại chàng. Bốn mắt gặp nhau làm cho cả hai người cùng thẹn thùng và đôi gò má thiếu niên thốt đổi ra hung đỏ.

Đến gần sáng thì cả bọn tới một xóm đông đúc ở ven một quả núi u uất mà thiếu niên nói là Sài Sơn. Thiếu niên xuống ngựa trước, Duy Mật, rồi đến Kiện Nhi cũng xuống theo. Chàng còn có ý chờ xem thiếu niên mời mình đi đâu thì từ trong một cái cổng gỗ, có ba bốn ông già ăn mặc tề chỉnh, bước ra.

Đứng trước một trong những ông già đó, thiếu niên chắp tay nói:

- Gửi thân phụ, con đã rước được Đức ông về đây, xin thân phụ ra nghênh tiếp.

Mấy ông già cung kính chào Duy Mật, rồi giơ tay mời chàng bước vào nhà.

Mọi người cùng mời Duy Mật lên ngồi cỗ sập cao nhất và ông già mà thiếu niên gọi là thân phụ cung kính, nói:

- Bốn anh em chúng tôi đây cùng là những thần tử nối đời ăn lộc nhà Lê, nhiều phen cũng muốn củ hợp nhau lại để bài trừ họ Trịnh, nhưng tài hèn không làm gì được, nên phải ẩn nhẫn ở chốn lâm tuyền này. Nửa tháng trước đây, nhân về thăm một người bạn ở Kẻ chợ, tôi được gặp Trần Hiệu úy (Kiện Nhi) là bạn đồng học với tiện nhi khi trước, mới biết tin Đức ông bị bắt và sở dĩ chưa bị hành hình là vì người ta còn chờ Minh Đô vương đi dẹp giặc Ninh Xá chưa về. Tôi muốn cứu Đức ông, nhưng mình già sức yếu, liệu không làm gì nổi, nên vội đưa Trần Hiệu úy về đây và họp các bạn tôi lại để cùng nhau nghĩ kế. Cũng may, trong lúc chúng tôi bàn bạc thì tiện nữ là Trần Tú Xuân thoảng nghe thấy. Cháu Tú Xuân có võ vẽ vài món võ nghệ, tình nguyện xin đi cứu Đức ông và mời Trần Hiệu úy cùng đi để chỉ vẽ giúp cho đường lối và bảo cho biết cái dung mạo của Đức ông, vì cháu không được giáp tôn nhan bao giờ. Túng thế, tôi phải để cho tiện nữ đi, và suốt từ chiều qua đến giờ, chúng tôi vẫn thấp thỏm ngồi chờ tin. Thật là nhờ uy linh của Liệt thánh nên hôm nay được Đức ông hạ cố đến đây để chúng tôi được bái kiến.

Duy Mật vốn đã có ý quyến luyến Tú Xuân từ lúc đi đường, nay thấy nói nàng là con gái thì lòng bối rối không biết là ngần nào. Chàng trông quanh quất ở chung quanh mình thì đã không thấy Tú Xuân đâu nữa.

Duy Mật quỳ xuống, định lạy ông già để tạ ơn. Nhưng ông già vội vàng đỡ dậy, nói:

- Cha con tôi chỉ mong làm hết đạo thần tử, chứ sao gọi là ơn được.

Tiếp, ông tự giới thiệu mình là Trần Kỳ Anh, đỗ Tạo sĩ, làm quan đến chức Đô Kiểm điểm, vì thấy nhà Chúa ức hiếp nhà vua nên cáo về, để chăm lo việc dạy dỗ các con.

Ông lại giới thiệu ba bạn ông ở đó là Lý Như Hồ, Trình Quốc Phiên và Vũ Văn Toàn, đều là cựu thần nhà Lê, vì không phục chúa Trịnh nên quay về điền lý.

Lê Duy Mật nấn ná ở nhà Trần Kỳ Anh, trong khi chờ Trần Kiện Nhi lên núi Tản Viên thăm Bùi Sĩ Ngân và ngỏ cho viên Hường lô biết cái chí của Duy Mật muốn hợp tác với họ Bùi để cùng khởi

nghĩa.

Trần Kỳ Anh thì cùng với bọn Lý Như Hồ lấy nhân danh của Duy Mật, hết sức hiệu triệu các nghĩa sĩ ở trấn Sơn Tây. Con cái của mấy vị lão thần này như Trần Kỳ Hùng, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng và Trình Tử Như cũng đến hội họp cả ở Sài Sơn. Các vị thiếu niên anh hùng đó hàng ngày cùng với Duy Mật bàn về thao lược và cùng với chàng luyện các môn vũ nghệ. Sự gần gũi với Trần Tú Xuân làm cho Duy Mật mỗi ngày một thêm quyến luyến nàng. Kỳ Anh cũng hiểu ý và cho rằng một đôi trai gái yêu nhau là lẽ tự nhiên. Song công việc ngổn ngang và Lê Duy Mật hiện đương bốn bể không nhà, nên sợ nói chuyện hôn nhân vào lúc này có điều không tiện.

Tú Xuân, tuy không nói ra, nhưng cũng không phải là vô tình trước cái tình yêu nồng nàn của Duy Mật. Vì mỗi khi có cơ hội được giáp mặt chàng, thì nàng cố kéo những phút sum họp ấy cho dài thêm ra. Và, bốn con mắt nhiều lần đã gặp nhau, làm cho dáng dấp của Tú Xuân có vẻ ngượng ngùng và đôi má nàng bừng đỏ.

Tú Xuân yêu Duy Mật. Nhưng là một tấm tình yêu dè dặt, cái yêu mà nàng cố chôn chặt xuống đáy lòng. Tuy phải giao tiếp luôn với Duy Mật trong các cuộc thao diễn và bàn bạc về binh cơ, nhưng Tú Xuân vẫn nói năng và cử chỉ theo lễ vua tôi. Đã vậy, bấy lâu Tú Xuân lại luôn luôn ăn mặc theo lối đàn ông, nên người ngoài, nếu không tinh ý, không thể nào nhìn thấy mối tình nồng nàn hiện bị giấu kín trong thâm tâm của cô thiếu nữ đó.

Duy Mật cũng vậy.

Chàng tuy ít tuổi, nhưng bị không biết bao nhiêu nỗi gian nguy và đau đớn trác luyện, khối óc chàng đã khô rắn và con mắt xét đời của chàng trở nên sành sỏi khác hẳn người thường. Đã có lúc chàng ngờ vực rằng Tú Xuân không có cảm tình với chàng. Nhưng để ý vào đôi con mắt đương sắc sảo của Tú Xuân lúc gặp chàng bỗng đổi ra dịu dàng, những lời nói đanh thép của nàng khi hỏi han chàng thì nó trở nên êm ái. Duy Mật luận ra rằng Tú Xuân đã thành thực yêu chàng. Tình yêu đó làm dịu hẳn khối óc của kẻ chinh phu và gây cho chàng sự yêu đời và ham sống.

Một hôm, nhân gặp lúc nhàn rỗi, Duy Mật cùng các bạn lên hóng mát trên núi Sài Sơn.

Trời xế chiều mọi người đều xuống núi. Riêng Duy Mật ngồi lùi lại. Chàng trông về Thăng Long, động lòng hoài tưởng, hai giọt nước

từ từ hiện ra ở khóe mắt chàng. Chợt phía sau có tiếng chân người, Duy Mật vội quay lại, không ngờ là Tú Xuân. Tú Xuân, vì đi vòng ra sau núi hái hoa, nên chậm bước, về sau. Đến đây, thấy Duy Mật có dáng ưu muộn thì nàng cũng vì liên cảm mà không giấu được vẻ buồn. Rón rén bước đến gần Duy Mật, Tú Xuân thỏ thẻ:

- Đức ông không nên bi thương quá đỗi. Làm tài trai đã có chí lập công danh ở trên yên ngựa, thì một ngày kia, tất thế nào Thượng đế cũng sẽ rủ lòng thương đến mà cho Đức ông đạt được cái chí nguyện một đời.

Duy Mật lắc đầu:

- Đối với mọi người thì câu khuyên của nàng đó là chí lý. Nhưng cái cảnh ngộ của tôi không phải thế. Nếu tôi chỉ cầu lấy phú quý thì ngay từ khi mới lọt lòng mẹ ra, tôi đã mang theo sẵn cả hai cái phú, quý rồi. Vì được cái hạnh phúc là con vua, lớn lên dù không làm vua, tôi cũng được dự vào ngôi thứ nhì hoặc thứ ba trong nước. Song, việc đời nào có như thế. Là dòng dõi Hoàng đế, tôi và các anh em tôi lại bị họ Trịnh hà hiếp quá những người dân thường. Để đạp đổ sự uy hiếp của họ Trịnh, cái nghĩa vụ của tôi là không được luyến tiếc cái tính mệnh của mình. Cái tính mệnh ấy, tôi đã coi rẻ trong ngót mười năm nay. Điều đó, tôi không hề oán than. Việc nó làm cho tôi mỗi lần nghĩ đến lại đau lòng là không biết bao nhiêu bực trung thần, nghĩa sĩ như Vũ Công Thế, Hà Quốc Uy, như hàng muôn nghìn người đã qua và hàng muôn nghìn người sắp tới, đã và sẽ vì tôi mà bỏ thân ở chốn sa trường. Những người đó đành rằng trước sau rồi cũng chết, nhưng nghĩ đến rằng họ đã chết vì tôi, thì tôi không thể nào không hối hận.

Nói xong, Duy Mật lại gục đầu xuống hai bàn tay, hình như cố giấu kín để Tú Xuân khỏi nhìn thấy những giọt nước mắt dội xuống má chàng.

Tú Xuân ngẫm nghĩ một chút, nói:

- Lời nói của Đức ông quả là xuất ở tấm lòng nhân ái của người quân tử. Song nếu nghĩ rằng những người đó vì Đức ông mà chết oan là lầm. Sự thực là họ đã nhờ Đức ông mà lựa được một cái chết xứng đáng, cái chết nó khiến cho người ta sẽ sống với mai hậu. Đức ông sinh trưởng ở nơi phú quý mà không mê mệt về phú quý, đó là người có nhân. Đức ông lại biết hy sinh cái phú quý mà tự phơi thân ra chỗ chiến trường để khôi phục lại chính quyền cho nhà Lê. Như vậy là có nghĩa hoặc cũng gọi là trung quân ái quốc. Công việc dù thành hay bại, ba chữ tên của Đức ông vẫn được

đứng vào những trang tốt đẹp trong lịch sử sau này. Tóm lại là Đức ông đã biết mài giũa cái sống để tạo nên một cái chết vinh quang, cũng như tất cả các bậc trung thần, nghĩa sĩ còn lưu danh trong lịch sử. Những người đi theo Đức ông thế tất cũng nghĩ như Đức ông. Họ cũng muốn trở nên những bậc trung thần nghĩa sĩ. Họ cũng muốn lưu danh về mai hậu nên đã hy sinh tính mệnh ở sa trường. Họ chết là vì cái thanh danh của họ. Đức ông thực ra chỉ là người đã chọn giúp cho họ một cái chết vẻ vang. Đời của họ, họ không tiếc, cũng như cái chết của họ, họ đã vui lòng mà nâng lấy rồi. Vậy đối với họ, cũng như đối với lịch sử, Đức ông phỏng có tội gì? Vì cớ gì Đức ông phải hối hận?

Từ trước đến giờ Duy Mật chỉ biết rằng Tú Xuân có cái sức khỏe tuyệt luân, nghĩa là một kẻ võ dõng chưa hẳn đã có kiến thức gì. Đến bây giờ thấy nàng nghị luận xác đáng và lời lẽ rất hùng hồn thì mối buồn của chàng tự nhiên đã tiêu tan mà tấm lòng kính phục của chàng đối với Tú Xuân, trước có một phần, nay tăng lên gấp bội.

Duy Mật hơi có dáng thẹn, vội chùi nước mắt nói:

- Lời biện luận của nàng thật là xác đáng. Từ nay không bao giờ tôi dám trở lại những ý kiến hẹp hòi của tôi về trước nữa.

Tú Xuân thấy Duy Mật đổi sang vui vẻ thì cũng mừng thầm mà khiêm tốn, nói:

- Đó là những lời thành thực của tôi, chỉ mong làm cho Đức ông được vui vẻ mà làm nên sự nghiệp.

Câu nói giản dị này vô tình đã làm lộ hẳn mối tình mật thiết của Tú Xuân đối với chàng nên quên cả những sợi dây bó buộc về lễ giáo, Duy Mật cầm lấy tay nàng mà nói với một giọng rất dịu dàng:

- Tôi chỉ ao ước được gần gũi luôn với nàng để được nghe những lời nàng chỉ giáo.

Tú Xuân sẽ giằng tay ra, bẽn lẽn đáp:

- Nếu Đức ông chẳng chê tôi là quê kệch mà cho được hầu hạ thì may cho tôi không biết chừng nào.

Câu trả lời của Tú Xuân cũng như câu hỏi của Duy Mật có giá trị như một cuộc đính hôn chính thức, vì từ hôm đó, bề ngoài hai người vẫn đãi nhau theo lễ vua tôi, nhưng trong óc, đã coi nhau như vợ chồng. Hai người tuy không thề thốt nặng lời, song đối với

những người có chí khảng khái như Lê Duy Mật và Trần Tú Xuân thì một câu nói cũng đủ vững chãi như núi Thái Sơn dù sấm sét hay bùa rìu cũng không làm cho lay chuyển được.

LÊ DUY MẬT VỚI ĐẶNG ĐÌNH BẬT

Duy Mật lưu ở Sài Sơn không đầy sáu tháng. Số người theo về tụ nghĩa đã được linh năm nghìn. Tiếp, Bùi Sĩ Ngân lại mang quân bản bộ đến họp, thành ra trong tay chàng, có tới linh một vạn quân và khí giới, lương thảo không thiếu một thức gì cả.

Lựa được ngày tốt, Duy Mật cho thiết đàn ở giữa cánh đồng, rồi thân dẫn các tướng ra tế cáo trời đất và thề cùng nhau sống, chết, để đạt tới cái mục đích tối cao là đả đảo họ Trịnh và tôn phù nhà Lê. Vì, Duy Mật là dòng dõi vua Dụ Tôn nên được lĩnh ấn Nguyên súy và suy tôn làm minh chủ.

Tế xong, chàng cho giết trâu mổ lợn khao thưởng ba quân. Sang ngày thứ hai, Duy Mật lên tướng đàn, tuyên bố hiệu lệnh, rồi cắt đặt các tướng, chia nhau đi hạ các huyện thành ở gần quanh như Thạch Thất, Minh Nghĩa,... Cũng như ở Thanh Hoa năm trước, lần này quân Duy Mật đi đến đâu cũng được dân chúng hoan nghênh, vì thiên hạ vẫn tâm phục nhà Lê, nên không luận là đạo quân nào, nếu lấy việc tôn phù đế thất làm tôn chỉ, đều được dân gian hưởng ứng.

Cái thanh thế của Duy Mật không bao lâu truyền về đến Thăng Long. Chúa Trịnh Minh Đô vương lập tức sai tướng đi dẹp, nhưng các tướng của triều đình kế tiếp nhau mà thua trận, quan quân bị tổn hại không biết bao nhiêu mà kể. Minh Đô vương lo sợ, phải cho triệu chức thống lĩnh đạo quân Thanh Hoa là Đặng Đình Bật về Thăng Long. Đình Bật nguyên là cháu ba đời Đặng Đình Tướng, vốn có danh vọng lớn trong quân, nên từ trước đến giờ, đánh đâu được đấy, không hề thất cơ một lần nào cả.

Muốn tăng cái uy thế cho Đình Bật, Minh vương truyền họp các quan lại, rồi thân trao kiếm vàng và cờ tiết cho viên tướng này. Trước khi ra quân, Minh vương lại cho làm lễ rất long trọng, để

Đình Bật vào yết Cung miếu11.

Khi Đặng Đình Bật ra quân, Trịnh vương thân tiễn ra đến tận cửa thành và ban cho một chén rượu, chúc được chóng khải hoàn.

Đình Bật xin chúa Trịnh cử một viên dũng tướng là Tô Cẩm Vân làm Tiên phong và lấy tước Xuân Nhạc Bá là Nguyễn Nghiễm làm đốc thị.

Đình Bật được quyền điều động tất cả các đạo quân An Sơn, Mỹ Lương và Bành Đức nên trong tay quân số có linh ba vạn.

Trận đầu, quân Cần Vương và quân triều đình giáp công ở Đại Phùng, Duy Mật đội khăn yến vĩ, cầm đại đao, cưỡi ngựa trắng, hai bên có Trần Kiện Nhi và Trần Tú Xuân hộ vệ.

Khi quân triều đình sang qua đò Phùng thì Duy Mật bày trận cũng vừa xong, tướng tiên phong là Tô Cẩm Vân thúc quân xông vào, bị Trần Kỳ Hùng ra cản lại. Hai bên giao chiến hồi lâu, thấy thế của Cẩm Vân dần dần bị suy kém, viên phó tướng là Tô Nguyên Đường vội ra đánh giúp. Nhưng từ hàng trận của quân Cần vương, Lý Bạch Long cũng đã múa chùy tiến ra. Bốn tướng giao phong, Bạch Long nhờ được lúc Nguyên Đường hở cơ, đánh một chùy vào ngang thái dương, Nguyên Đường ngã ngựa, chết. Cẩm Vân thế cô, phải quay đầu chạy. Quân triều đình bị quân Cần vương xung sát, người nào chỉ lo chạy lấy thân người ấy nên một nửa bị sa xuống sông mà chết.

Hôm sau, Duy Mật lại mang quân ra khiêu chiến, nhưng viên thống lĩnh là Đặng Đình Bật không dám cho người ra đối địch nữa.

Đình Bật hạ lệnh cho quân phải đóng cửa trại và phòng bị rất cẩn mật, rồi triệu Nguyễn Nghiễm đến thương nghị.

Nghiễm nói:

- Duy Mật khi trước ở Thanh Hoa vẫn nổi tiếng là vô địch. Vả, nay hắn mới nổi lên, dũng sĩ các nơi về quy phục rất nhiều. Khí thế của giặc hiện đương hăng lắm. Nếu ta lấy sức mà chọi với giặc thì không tài nào thắng nổi. Ta phải dùng kế mới được. Tôi nghe nói Duy Mật trị quân rất nghiêm. Hắn có hạ lệnh cho ba quân là không được tơ hào một hột gạo, một đồng tiền nào của dân. Đó chính là chỗ khỏe mà cũng là chỗ yếu của giặc. Khỏe, vì dân chúng phục cái mệnh lệnh ấy của Duy Mật mà quy phục rất đông. Nhưng quân lương của hắn chỉ là một số thóc rất ít do bọn nhà giàu gom góp và những thóc gạo cướp được tại mấy huyện thành. Số lượng

ấy mà nuôi hàng vạn quân thì phỏng được bao lâu. Nếu quân Duy Mật không tiến được mà cướp các kho vựa của triều đình thì chẳng bao lâu nữa sẽ tuyệt lương. Tôi nói chỗ yếu của giặc chính là ở chỗ đó. Vậy nếu quân ta cứ đắp lũy lên mà đối với giặc thì lâu ngày, giặc tất tuyệt lương. Lúc ấy ta sẽ mở lũy ra mà đánh thì thế dễ như chẻ tre, dù đến trăm nghìn Duy Mật, ta trừ cũng được.

Đặng Đình Bật cho kế của Nguyễn Nghiễm là phải, lập tức đắp lũy ở bờ sông mà giữ thế cố thủ. Hàng ngày, hễ Duy Mật cho sang khiêu chiến thì từ trên mặt lũy, Đình Bật chỉ sai quân bắn súng ra, Duy Mật muốn thẳng tiến về Thăng Long, nhưng có mấy nơi yếu hại, Đình Bật đã cho lập đồn lên đóng án ngữ cả. Quân Cần vương thành ra muốn đánh không được đánh mà muốn tiến cũng không có đường. Quả nhiên chỉ vài tháng là hết lương, có hôm phải mổ ngựa ăn thay gạo.

Đình Bật dò biết rằng quân Cần vương đã nguy khốn đến cực điểm, liền chia quân ra làm ba đạo, đương đêm đánh giấn vào trại giặc. Quân Cần vương vì ăn uống thất thường nên người nào, người ấy yếu lả như sên, lại bị đánh vào lúc không ngờ, thành ra tan vỡ cả.

Duy Mật chống đỡ cho đến gần sáng, sau cùng viện binh không có, đành phải cùng với vài trăm tàn tốt chạy ngược lên phía Tây.

Đến một thôn vắng thuộc địa phận Bất Bạt, chàng dừng lại nghỉ và cho quân lính lấy lương khô ra ăn. Một lát sau, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng và bọn Trần Kỳ Anh cũng tới nơi, kiểm điểm lại tàn tốt thì còn linh năm nghìn. Các kiện tướng chỉ bị thương xoàng, cuộc thất bại tuy lớn, song không lấy gì làm bi thương lắm.

Duy Mật nghỉ ngơi chừng được vài giờ thì quân triều đình do Tô Cẩm Vân đứng đầu, đã ầm ầm kéo đến. Chàng khẳng khái lên ngựa cùng với quan quân giao chiến hồi lâu. Nhưng quân Cần Vương vì ăn uống không đủ, phần vì bữa thua hôm trước đã làm cho tinh thần nhược bại nên không ai có chí đánh nữa. Tiếp lại thấy đại quân của Đặng Đình Bật kéo đến nên quân lính đều hoảng sợ mà tự tan vỡ cả. Duy Mật túng thế, lại phải bỏ chạy.

Gần trưa, quân Cần vương tới một khu rừng ở chân núi Tản Viên. Duy Mật thấy nơi này thế núi hiểm trở và chung quanh rừng rậm bao la, luận rằng có thể làm nơi cố thủ được nên cắt Trần Kỳ Hùng và Trần Tú Xuân chưởng một nghìn quân, đóng ở cửa rừng để phòng đối phó với quan quân. Còn mình và các tướng thì mang đại quân vào tìm một nơi yếu hại, cho đào đất và khuân đá ở trên

núi xuống, đắp lũy.

Khi Đặng Đình Bật đuổi kịp đến nơi, thấy núi non u uất, đã có vẻ e sợ, chợt lại thấy quân Cần vương từ trong rừng, đổ ra đánh thì lúng túng, không dám tiến nữa.

Nhờ được đội quân của Kỳ Hùng và Tú Xuân cực lực chống chọi với quan quân nên không đầy một tuần, Duy Mật đắp xong lũy Tản Viên, trong đó có đủ cả đồn trại và pháo đài, cách bố trí thật hoàn toàn chỉnh bị. Phía ngoài lũy, Duy Mật lại cắt quân đóng thành mười đồn, mỗi đồn có chừng vài trăm quân và do một viên dũng tướng chỉ huy. Lương thực thì chàng cho chẹn đường, cướp của quan quân, hoặc tắt các đường núi mà mua của dân gian, nên không đến nỗi thiếu thốn như khi trước.

Đặng Đình Bật mấy lần thúc quân vào đánh, song đường đi ngoắt ngoéo, quân Cần vương khi ẩn, khi hiện, chỉ tổn binh mã mà không có hiệu quả gì. Số quân lương mà Đình Bật xin triều đình cấp cho, thường bị Duy Mật đón cướp, nên cái nạn thiếu thốn đã gây nên cuộc thất bại của Duy Mật khi trước, nay lại đến quân triều đình phải chịu.

Đình Bật nghĩ mãi không tìm được kế gì phá giặc, thường tỏ ra vẻ lo phiền.

Một hôm, viên thống lĩnh đương cùng với viên đốc thị ngồi trong trướng uống rượu để tiêu sầu, thì chợt có quân vào báo là có một người tự xưng là học trò của miền này, xin vào hiến kế phá giặc.

Đình Bật cho vào.

Người này trông thấy Đình Bật thì cúi chào và tự xưng là Ngô Hoài Đức, người hạt Minh Nghĩa, nhà nghèo, nhưng vẫn đi học. Thấy Hoài Đức cử chỉ có vẻ nho nhã thì Đình Bật nảy ra ý kiến trọng và ôn tồn hỏi:

- Nhà thầy định hiến ta một kế để trừ Duy Mật, phải không?

Hoài Đức gật đầu, thưa:

- Tôi là người ở địa phương này, thỉnh thoảng có theo người làng vào săn ở trong rừng nên địa thế ở đây, tôi biết rõ lắm. Về phía tả núi Tản Viên, có một con đường hẻm chỉ có thể đi được một người một, đường ấy cứ như tôi được mục kích vài hôm trước đây, thì Duy Mật không biết đến nên không hề có cắt một tên quân nào canh phòng. Nay nếu quan thống lĩnh cứ giả là đánh riết vào mặt

trước lũy để cho Duy Mật tụ cả nguyên lực vào nơi có quan quân, rồi thừa hư, do đường hẻm mang quân vào lũy, thì trong đánh ra, ngoài đánh vào, tất có thể phá được.

Đình Bật nửa tin nửa ngờ, nói:

- Nhưng ai là người dẫn cho quân ta vào đường hèm ấy bây giờ?

Hoài Đức hăng hái nói:

- Tôi tuy là học trò, nhưng nếu quan thống lĩnh cho tôi lấy năm trăm quân và một viên kiện tướng thì tôi xin đảm nhiệm việc ấy.

Đình Bật gật gật đầu, rồi giữ Hoài Đức ở trong quân mà khoản đãi rất tử tế.

Trưa hôm sau, Đình Bật liền giao cho Tô Cẩm Vân một nghìn quân, bảo đến cửa lũy khiêu chiến, Nguyễn Nghiễm thì mang tiền quân vây bọc lấy tất cả các cửa rừng. Lý Hoa thì đới lĩnh năm trăm quân cầm toàn đoản đao và các chất dẫn lửa, theo Ngô Hoài Đức len lỏi vào con đường hẻm ở phía sau núi.

Con đường này quả Duy Mật không lưu ý đến thật. Vì thế khi thấy Tô Cẩm Vân đến khiêu chiến thì chàng không lấy gì làm lạ, lập tức sai Trần Kỳ Hùng ra đối địch với quan quân. Tiếp lại thấy Nguyễn Nghiễm phái năm viên bộ tướng do năm cửa rừng tiến đánh thì Duy Mật cũng cứ thản nhiên mà phái bọn Tú Xuân, Bạch Long và Bạch Phụng ra ứng chiến, đại khái cũng như mọi ngày. Nhưng trái với mọi hôm là đáng lẽ quan quân khiêu chiến vào buổi sáng thì hôm nay lùi mãi đến buổi chiều và mặt trời tuy đã ngả về Tây mà vẫn không có vẻ muốn lui về trại. Duy Mật nóng ruột và toan rung chuông thu quân thì chợt thấy phía sau trại, lửa bốc lên ngùn ngụt và kho thuốc súng nối nhau mà nổ đùng đùng. Chàng ngờ là cuộc thất hỏa do sự bất cẩn của quân lính mà xảy ra. Nhưng lại nghe tiếng gọi kêu vang trời và các đồ khí giới đụng nhau xoang xoảng. Duy Mật vội vàng kéo quân đến chỗ lửa cháy, thì các cửa lũy không ngờ đã mở toang cả ra và quan quân kéo vào như nước chảy. Bọn Kỳ Hùng và Bạch Long ở ngoài, nghe lũy đã bị phá, không thiết đánh nữa, toan quay về, nhưng trên lũy đã kéo hiệu cờ của triều đình. Thế là một lần nữa, quân Cần vương lại thua to. Duy Mật cùng với các tướng bộ hạ và vài nghìn tàn tốt phải bỏ núi Tản Viên mà chạy sang địa phận Thái Nguyên. Nhưng chàng chạy đến đâu, lại bị quan quân đuổi theo đến đấy. Túng thế, chàng lại phải lộn xuống phía nam, len lỏi qua các rừng núi mà trở vô châu Ái.

Trong mấy năm liền, Duy Mật không khác một con thú dữ mà triều đình cho đi săn bắt. Bị đuổi ở Thanh Hoa, chàng chạy vô Nghệ An. Rồi lại từ Nghệ An qua sông Lương Giang trở về các rừng núi ở Thượng du trấn Thanh Hoa, đời chàng không một phút nào được thảnh thơi. Có khi chàng phải len lỏi từ chập tối đến sáng ở trong rừng. Trái lại, cũng có lúc phải bó gối ngồi suốt ngày trong núi. Ăn uống thì bữa thất, bữa thường, nhiều khi phải nhịn đói luôn hai ba ngày. Những bộ hạ đi theo chàng, rút lại chỉ còn có Trần Tú Xuân, Trần Kiện Nhi và anh em Lý Bạch Long, ngoài ra thì một phần vì không đủ nghị lực đi theo, phải trở về quê cũ mưu kế sinh nhai, phần khác bị quan quân vây bắt, rồi chết ở trong tay đao phủ. Những người già cả như Trần Kỳ Anh thì không chịu nổi lam sơn chướng khí, đều chết mòn mỏi ở dọc đường. Một mảnh áo rách hoặc một tấm da ngựa bọc lấy bộ xương tàn, đó là cái phần thưởng sau cùng của người chiến sĩ.

Tuy trải những đoạn đời rất đau khổ và bị đồng chí cũ ruồng bỏ trong lúc quan quân hết sức truy tầm, nhưng Duy Mật không hề nản chí chút nào. Nhất là gần đây, chàng lại được thêm một người bạn nữa làm phấn khởi tâm chí cho chàng. Người đó là Trần Tú Xuân mà Duy Mật đã chính thức lấy làm vợ, lúc chàng và bạn đồng chí bị vây ở Cổ Nam động.

Thoát được vòng vây này, Duy Mật chạy ra Thanh Hoa tìm mấy bạn đồng chí cũ ở Ngọc Lâu. Cũng nhờ có chuyến đi này, Duy Mật được quen biết Hồ Nhật Tương, một kiện tướng đã từng xung đột với triều đình. Cũng như Lê Duy Mật, Tương khởi quân ở Vĩnh Đồng và Mỹ Lương. Cũng như Lê Duy Mật, Tương đã từng đánh phá không biết bao nhiêu đội quân của triều đình. Và cũng không may như Lê Duy Mật, Tương bị Trịnh Trạch đánh thua và phải mang mấy trăm tàn tốt chạy vào Thanh Hoa.

Khi gặp Duy Mật thì Tương đã khôi phục lại được gần hết cái thế lực cũ và đương dự bị đánh lấy Sơn Nam. Vì cảm phục cái biệt tài của Duy Mật nên Hồ Nhật Tương nhường cho chàng chức minh chủ mà tự hạ mình xuống làm phó.

Không bỏ lỡ cơ hội, Duy Mật lại đắp lại lũy Ngọc Lâu khi trước dự bị quân nhu, khí giới để tiến công, nhưng chàng chưa kịp trở tay, thì triều đình đã cử Đàm Xuân Vực và Nguyễn Nghiễm mang quân vào đánh phá ngay sào huyệt của Cần vương. Hồ Nhật Tương tử trận. Lê Duy Mật phải mang quân chạy lên miền thượng du châu Ái.

YÊN MẶC ĐẠO NHÂN

Duy Mật lang thang hết núi này sang núi khác thấm thoát đã hơn hai tháng.

Một hôm, chàng đương ngồi nghĩ vơ vẩn ở trên lưng ngựa thì chợt thấy ngay trước mặt, một quả núi cao trội lên trên hẳn tất cả những trái núi vừa qua. Quả núi này có một mẩu đá thật to quắp về phía Nam, coi như một cái mỏ chim. Hai bên sườn núi thì đá xòe ra như hai cái cánh tự nhiên. Về phía Bắc sườn núi lại soải ra. Coi toàn thể, ai cũng phải bảo trái núi này là một con thạch điểu mà trong lúc hỗn mang, hóa nhi đã dụng công gạt nặn nên vậy.

Duy Mật gò cương ngựa, ngắm nghía hồi lâu mà không chán mắt.

Tình cờ có một người thổ dân gánh một gánh củi qua đó. Duy Mật liền cho quân gọi lại hỏi xem trái núi tên là gì. Thổ dân đáp đó là Phượng Hoàng sơn, không rõ tên ấy có tự bao giờ, song chỗ chắc chắn là cổ nhân đã theo cái hình thù của trái núi mà đặt tên cho nó.

Nhân tiện trời đã quá trưa, Duy Mật truyền quân đóng lại ở chân núi, thổi cơm ăn, còn chàng thì dắt Kiện Nhi đi tản bộ quanh ra sau núi.

Cứ coi những hòn đá rêu bọc xanh rì và những khe đá không có đường lối gì cả, Duy Mật cũng đoán biết là núi ấy ít khi có người qua lại. Song sẵn có chí mạo hiểm, lại gặp lúc thì giờ thừa thãi mà chàng không biết dùng làm việc gì. Duy Mật cùng với Kiện Nhi cứ theo những khe đá mà lên. Càng trèo cao, Duy Mật càng thấy có cái hứng thú muốn trèo; vì trên sườn núi có nhiều khụm lan đá, cánh trắng như ngà và hương thơm ngào ngạt.

Khi mặt trời đã xế về sau núi, Duy Mật toan quay trở lại, thì trông về sườn núi phía nam có một túp lều tranh mà cây cối phủ đầy, chỉ chìa ra mặt trời có hai mái lá gồi cũ nát. Duy Mật vừa khát nước,

lại vừa tò mò muốn biết chủ nhân túp nhà hẻo lánh đó là ai nên vẫy Kiện Nhi cùng tìm con đường tắt mà sang. Cũng may con đường đã nhẵn và phẳng nên đi rất dễ dàng, chỉ trong chốc lát thì hai người đến trước sân nhà, một cái sân hẹp, chung quanh trồng nhiều giống lan rất lạ.

Duy Mật vừa toan gọi cửa thì trong nhà đã có một cậu bé chừng mươi, mười hai tuổi, hai trái đào để chấm xuống bên vai, nhanh nhẹn bước ra. Cậu bé chắp tay chào, rồi cung kính hỏi:

- Ngài có phải là Lê Duy Mật không?

Duy Mật kinh ngạc, muốn hỏi tại sao cậu bé lại biết tên mình, nhưng cậu bé nhanh nhẩu nói tiếp:

- Xin mời ngài vào, thầy tôi chờ đã lâu lắm.

Qua một phút do dự, Duy Mật để Kiện Nhi chờ ở ngoài cửa, rồi đánh bạo đi theo cậu bé vào nhà. Tới trước thềm, chàng để ý nhìn vào trong, thấy một ông già mà râu, tóc cùng trắng như tuyết, đương ngồi đọc sách cạnh một cái án thư bằng gỗ, trên có mấy bông lan.

Nghe tiếng động, ông già đặt cuốn sách xuống, thong thả đứng dậy, nói:

- Sao tướng quân lên chậm thế để già này mong mãi.

Đến đây, Duy Mật không thể nén được sự kinh ngạc nữa. Chàng thảng thốt hỏi:

- Xin cụ tha lỗi cho cái tính thô mãng của bọn người dung tục chúng tôi. Chắc cụ là một vị đại tiên tu luyện ở núi này thì phải?

Ông già mỉm cười, đáp:

- Làm gì có tiên với tục. Tôi cũng như tướng quân, chúng ta đều là người cả. Vậy, nếu tướng quân có thấy một điều hơi lạ mà muốn biết, cũng là sự thường. Can chi mà phải xin lỗi.

Câu này không những không làm cho Duy Mật an tâm. Trái lại, nó lại càng kích động thêm mãi tính tò mò của chàng. Cũng đột ngột như những phút đầu, Duy Mật lại hỏi dồn:

- Nếu không phải là một bậc đại tiên, sao cụ lại biết rõ tên họ của tiểu sinh này và biết rằng hôm nay chúng tôi lên thăm cụ?

Vẫn thong thả vuốt bộ râu là việc bắt buộc phải thong thả, vì nó dài đến rốn, ông già đáp:

- Già này đã biết tên họ và lai lịch của tướng quân rồi. Vậy cho hợp lẽ, già hãy nói tên họ và lai lịch của già để tướng quân rõ, rồi ta hãy cùng nhau nói chuyện.

Ông già ngắt đi một phút như cố làm cho câu nói có mạch lạc, rồi lại tiếp:

- Già họ Trương tên Thu Cốc, hiệu là Yên Mặc đạo nhân, quê ở Khoái Châu, nghĩa là cách quê hương của Tuyết Giang Phu tử12 chừng vài mươi dặm. Lúc nhỏ, già cùng ông Trạng Bùng13 cùng theo học Tuyết Giang phu tử. Già được Tuyết Giang phu tử yêu mến, mang các khoa thuật số truyền cho nên biết cả việc năm trăm năm về trước và năm trăm năm về sau...

Duy Mật ngắt lời:

- Tại sao cụ không ra giúp nước để lưu danh với đời.

Yên Mặc đạo nhân mỉm cười:

- Lưu danh với đời, đó là cái ý muốn hẹp hòi của kẻ chưa siêu thoát. Đối với những bậc thượng nhân thì cái vui là ở chỗ tiêu dao tự tại, chứ đời thì có đáng kể gì. Vả, việc đời cũng như cuốn sách mà đức thượng đế đã vạch sẵn từng chữ, từng dòng. Kẻ hăm hở ra làm việc đời, tưởng rằng mình đã thay đổi được thế cục, nhưng thật ra chỉ là được thực hành những việc mà trong thiên thư đã định sẵn.

Đến đây, đạo nhân chợt ngừng, có vẻ suy nghĩ, rồi lại nói:

- Già sở dĩ không ra giúp đời, còn do một cớ nữa, là vì đời đã có Phùng Thái úy rồi. Một Thái úy là đủ. Nếu hai người như Thái úy thì thật vô dụng nên già lưu ở nơi núi non này để hưởng những cái tinh hoa của trời đất.

Duy Mật nghĩ thầm nếu mình được một vị tiên tri như ông già này theo giúp thì đại sự làm gì mà chẳng tính xong. Chàng vội thưa:

- Chúng tôi là kẻ tài hèn đức bạc, không may sinh vào thời loạn nên bất đắc dĩ phải vì đại nghĩa mà dấy quân. Trong ngót mười năm nay, thất bại đã nhiều, tôi tự biết là thiếu người dạy bảo cho. Nay thượng đế dun dủi cho chúng tôi được gặp cụ. Mong rằng cụ

sẽ cho chúng tôi thờ làm thầy và sớm hôm dạy bảo cho điều hay lẽ phải.

Ông già lắc đầu:

- Già đã nguyện là không khi nào can thiệp đến việc đời nữa. Vậy tướng quân vui lòng miễn thứ cho. Tuy vậy, già đã mong tướng quân đến đây, chính là có một vài ý kiến hẹp hòi để tặng tướng quân, gọi là chút quà mọn làm lễ tương kiến.

Duy Mật biết rằng cố nài cũng chẳng được nào nên lẳng lặng nghe ông già nói:

- Tướng quân có hiểu tại sao tướng quân bị thua ở Ngọc Lâu, tiếp ở Sài Sơn không?

Duy Mật lắc đầu:

- Chỉ vì tướng quân vội giựt lấy cái được quá. Phàm đã vội thì việc gì cũng vậy, không bao giờ thành công được. Ngày xưa đức Thái tổ ta đuổi quân nhà Minh, phải ròng rã đến hơn mười năm. Tiếp, đến các vua đời Trung Hưng đánh nhà Mạc, phải quá hai mươi năm. Đã vậy, hai lần Bình An vương lấy được Thăng Long mà vẫn chưa chịu về đóng ở Thăng Long. Là bởi Bình An vương hiểu rằng dân Bắc Hà còn có người vị họ Mạc nên không dám tự coi như mình đã tuyệt được nhà Mạc. Quân Minh và họ Mạc là những người mà dân ta oán ghét, thế mà đánh đuổi được còn lâu như thế. Trái lại, họ Trịnh tuy ức chế nhà vua, nhưng thật ra đã gây được cảm tình với dân Bắc Hà. Cái cảm tình ấy chính là những cội rễ nó ràng buộc họ Trịnh với dân. Muốn lay rứt những cội rễ ấy, tất là việc khó hơn trừ họ Mạc và đuổi quân Minh. Thế mà tướng quân muốn một ngày hay một tháng làm xong thì xong sao được.

Duy Mật thấy cái luận điệu của ông già có vẻ xác thực thì kính phục, chắp tay thưa:

- Lời cụ dạy quả chí lý. Vậy từ nay chúng tôi nên hành động thế nào? Nếu cụ chỉ giáo cho, thật là may mắn cho chúng tôi lắm.

- Tôi khuyên tướng quân nên theo gương Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn.

Ông già thấy Duy Mật ngơ ngác, đoán rằng chàng không hiểu là ông định nói gì nên lại tiếp:

- Nghĩa là phải thong thả mà làm. Trước hết phải lập cái thế của

mình cho vững đã, rồi mới hòng lay đổ được người. Vì vậy, khi mới khởi quân, Đức Thái tổ phải lập căn bản ở Lam Sơn, thắng thì tiến ra Bắc Hà, bại thì về rừng núi. Cho đến khi giặc đã nhược, Ngài mới mang đội quân toàn thắng về xưng đế ở Thăng Long. Đức Trang Tôn cũng vậy. Thoạt đầu, ngài phải lánh sang Lào để xa hẳn tai mắt của Mạc Đăng Dung. Dần dần ngài tiến về An Trường, rồi mãi đến hai ba đời sau, mới khôi phục hoàn toàn lại được đất nước.

Duy Mật có vẻ buồn rầu nói:

- Nhưng mỗi thời một khác. Chúng tôi sợ việc mà Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn làm rồi sẽ không hợp với chúng tôi bây giờ? Vì nếu lui sang Lào hay lẩn quất ở Lam Sơn, chúng tôi lo rằng, các đồng chí sẽ chán nản, rồi đến không ai chịu theo nữa, thì cơ đồ đến hỏng mất.

- Tướng quân nghĩ như thế là lầm. Thiên hạ còn có nhiều người muốn theo tướng quân mà vẫn rụt rè, là vì người ta chưa thấy tướng quân có cơ sở chắc chắn. Thậm chí có người chưa kịp tìm đến tướng quân thì đảng tướng quân đã tan vỡ mà chạy đi nơi khác rồi. Thành ra tướng quân nay đây mai đó, không bao giờ có thể gây nên một cái thế lực to tát được. Nay nếu tướng quân có một định sở thì những nghĩa sĩ trong thiên hạ sẽ tìm đến, lo gì không có quân lực thật to tát để mưu đồ đại sự.

- Lời cụ nói đành rằng phải. Nhưng tôi biết giữ phương nào để che được tai mắt của họ Trịnh?

- Cứ gì phải đâu xa, chính ngay miền thượng du Hoan, Ái này đã thành nếp rồi. Nếu họ Trịnh có biết tướng quân mưu sự ở đấy nữa cũng vị tất đã dám làm gì ngay. Vì đây là một chốn xa xôi, hiểm trở. Vả triều đình lại còn đương bận rộn về những việc đánh dẹp cần kíp hơn như Ngân Già, Ninh Xá, Quận Hẻo, Quận He, đã rảnh đâu mà nghĩ đến tướng quân được!

- Nhưng cứ nằm ở chỗ rừng hoang này, lâu dần hết cả lương thực thì cũng đến chết khô thôi, chứ làm gì được!

Ông già phì cười:

- Đức Thái tổ và Đức Trang Tôn ta ngày xưa có khi cũng chết khô cả hay sao? Tướng quân quả không có tài kinh tế14.

Rồi, đổi ra nghiêm nghị:

- Thoạt đầu, tướng quân hãy thu phục các động Mường, Quy Hợp, Cao Châu... nói rằng phụng mệnh Đức Kim thượng mà khởi quân hiệu triệu các động ấy cấp lương thực và quân lính cho. Tiếp, tướng quân chọn một nơi thật hiểm yếu mà đắp lũy xây đồn, rồi tìm các khe núi phì nhiêu, chia quân ra cày cấy. Như vậy, quân lính có thì giờ thao luyện mà lương thực cũng nhiều. Lại thêm nhân tài các nơi kéo về quy phụ. Chỉ trong khoảng vài năm, tôi đánh cuộc là tướng quân sẽ có cái thế lực như Hán Cao tổ ở đất Quan Trung, và Lưu Huyền Đức ở Ba Thục. Đến lúc đó thì một họ Trịnh chứ đến trăm nghìn họ Trịnh cũng không sợ nữa.

Lời nói của ông già không khác một bó đuốc dắt Duy Mật từ chỗ hang tối ra ánh sáng mặt trời. Chàng hớn hở, chắp tay vái tạ Yên Mặc đạo nhân:

- Lời vàng ngọc của cụ thật là một thang thuốc hồi sinh cho tiểu sinh này. Chúng tôi xin ghi nhớ trong lòng, dù chết cũng không thể quên được.

Nhưng lại có vẻ ngần ngại, hỏi:

- Việc đời cũ đã tiên liệu cả. Vậy xin cụ rủ lòng thương cho chúng tôi được biết rằng cái chí diệt họ Trịnh của chúng tôi sau này có đạt được không?

Ông già điềm tĩnh nói:

- Cổ nhân thường nói là không nên lấy sự thành bại mà luận người anh hùng. Sự thành bại đã không đáng kể thì tướng quân tìm biết nó làm gì cho mệt trí.

Duy Mật toan hỏi nữa, nhưng Yên Mặc đạo nhân đã lảng nhìn ra ngoài sân, rồi nói:

- Trời đã gần tối, tướng quân nên về trại đi thôi, không có các bộ hạ mong, già cũng xin lỗi vào hiên trong, canh lại nồi thuốc.

Duy Mật trông ra thì mặt trời quả là đã lẩn gần hết vào phía sau trái núi Phượng Hoàng. Trên những khụm lá rậm rạp, khí núi bốc lên dày đặc như một tấm màn đen sắp chụp hết cả vạn vật vào trong phạm vi của nó.

Chàng vái chào Yên Mặc đạo nhân bước ra, thấy Kiện Nhi vẫn còn đứng vơ vẩn chờ ở sườn núi. Hai người liền dắt tay nhau xuống, đến chân núi thì trời vừa tối nghịt. Những cành cây bị gió lay động gieo xuống những giọt sương lạnh toát. Về đến cửa trại thì

vừa gặp Tú Xuân và các tướng sắp cắt nhau đi tìm. Vì Duy Mật đi từ quá trưa, mà mãi đến tối vẫn chưa về, làm cho ai nấy nhớn nhác, lo rằng chàng bị lạc trong rừng hoặc bị thú dữ cõng đi nơi nào mất.

Sánh vai với Tú Xuân cùng vào trong trướng, Duy Mật mang việc gặp gỡ vừa rồi thuật lại cho nàng nghe. Tú Xuân ngẫm nghĩ cho rằng ông già đó tất là một vị thiên tiên mà trời sai xuống để chỉ dẫn cho mình. Vì cứ xét ở những lời khuyên bảo thì một người thường quả không thể sâu xa đến thế được.

Suốt đêm ấy, vợ chồng Duy Mật trằn trọc mãi không sao ngủ được. Hai người cùng cố nạo óc tìm ra một tia sáng để nhìn thấu cái tương lai mà hiện thời chỉ thấy mịt mờ.

Sáng sớm hôm sau, Duy Mật cho đòi mấy người Thổ dân ở quanh đó để hỏi han về địa thế miền này. Bọn thổ dân bảo cho chàng biết rằng từ đây càng đi về phía Tây, tầm núi càng cao, và khi đã qua khỏi dãy núi Phượng Hoàng rồi thì sẽ đến một cao nguyên mà dân cư toàn là người Mường cả. Cao nguyên đó tục gọi là Trấn Ninh, giáp với hai châu Hoan, Ái. Đất Trấn Ninh theo như lời thổ dân nói, thì danh tuy thuộc quyền thống trị của triều đình và ba năm một lần, vẫn cho sứ về Thăng Long tiến cống. Song quan lại của Nam triều không bao giờ đi đến đấy. Về thực tế, Trấn Ninh là một khu vực hoàn toàn độc lập, họa chăng chỉ có liên lạc chút ít với người Lào. Về địa dư thì Trấn Ninh cũng không đến nỗi cô lập hẳn. Vì do các đường núi, cao nguyên này có thể giao thông được với Thuận, Quảng, Xiêm, Lào và nếu đi ngược lên phía Bắc, người ta có thể ra được Hưng Hóa và Sơn Tây mà không phải đi qua những nơi đô hội như Vĩnh Doanh, An Trường và Thanh Hoa nội, ngoại15.

Khi bọn thổ dân đi khỏi rồi, Duy Mật liền mang theo một chút lễ vật, dắt Kiện Nhi lên núi, định để tạ ơn và cáo biệt Yên Mặc đạo nhân. Nhưng khi chàng tới túp lều tranh hôm trước thì thấy cửa đóng kín mít. Chàng đập cửa hồi lâu cũng không thấy trả lời. Chàng đánh liều lách cửa vào xem thì thấy đồ đạc vẫn y nguyên như cũ, duy có ông già và cậu tiểu đồng thì không thấy tăm hơi đâu cả.

Thất vọng, Duy Mật cùng với Kiện Nhi lủi thủi quay về. Xuống đến chân núi thì trời đã gần trưa. Chàng lập tức truyền lệnh nhổ trại và cứ thủng thẳng đi về phía Tây.

Hồi này, thực lực của Lê Duy Mật gần như đã không còn có nữa, vì

ngoài Tú Xuân và mấy người chí thân là Trần Kiện Nhi, Lý Bạch Long, Lý Bạch Phụng ra, trong tay chàng chỉ còn có linh hai trăm quân, nhưng toàn là những kiện tốt, đối với chàng hết sức trung thành và đã nhiều phen ra vào trận địa. Những quân lính này hầu hết là kỵ binh cả nên đường núi tuy khó khăn mà mỗi ngày cũng đi nổi hàng hơn trăm dặm.

Trong gần nửa tháng, chàng phải dùng rất dè dặt số lương thực mà sau khi bị thất bại ở Ngọc Lâu, Kiện Nhi còn cố vận tải đi theo. Mỗi khi đi ven vào xóm làng của người Lào hoặc người Mường, Duy Mật lại xuất vàng bạc ra mua thóc gạo, rồi dùng voi để vận tải đi theo. Có lần bị hết lương ở giữa chốn rừng hoang, chàng phải cắm trại lại cho quân lính săn bắn lấy muông thú mà ăn cho qua bữa.

Con đường từ núi Phượng Hoàng trở đi, Duy Mật chỉ thấy mỗi ngày một lên cao và núi non trùng điệp, không biết đâu là hết.

ĐỘNG TRÌNH QUANG

Ngày thứ mười tám, Duy Mật tới một nơi, ngọn núi hơi thấp, không khác những đốt cuối cùng của một bộ xương sống rất dài. Từ trong khe núi róc rách chảy ra một con suối nhỏ, nước trong như lọc và xô vào mỏm đá, bọt nổi lên như tuyết. Trần Kỳ Hùng, vì suốt ngày hôm ấy không gặp một suối nước nào cả, trong người vừa nhọc, vừa khát, vội phóng ngựa lên trước, vụm hai tay vục nước ở suối lên, uống một hơi dài. Quân lính thấy Kỳ Hùng tìm thấy suối nước, cũng thúc ngựa chạy theo, định giải khát cho bõ sự khô khan trong suốt một ngày. Nhưng chưa ai kịp uống thì đã thấy Kỳ Hùng kêu đau bụng, rồi nằm vật xuống bờ suối mà giãy giụa, như kẻ sắp đến giờ tắt nghỉ. Mọi người đoán biết là nước suối có chất độc, không dám uống nữa và đều lo lắng không hiểu dùng thứ thuốc gì để chữa cho Kỳ Hùng. Duy Mật nhìn quanh quất chung quanh mình, chợt nhận ra rằng bên kia sườn núi có vài túp nhà sàn. Chàng nghĩ họa chăng chỉ có người ở địa phương này, mới biết được thuốc chữa cái độc của suối này, nên vội sai một tên kỵ binh đến gọi những người ở trong lều đó.

Trong chốc lát, tên quân dắt lại một người Mường, đầu tóc đã hoa râm. Hỏi về cách chữa cho Kỳ Hùng, người Mường đó quả không coi là việc khó khăn. Hắn bảo vực Kỳ Hùng lên ngựa, rồi thúc giục mọi người cùng rời cái suối ác nghiệt đó mà tiến về phía Đông Nam.

Như lời người Mường nói với Lê Duy Mật, thì nơi có cuối này gọi là Sí Kiền và nếu không biết cách chữa thì người uống phải nước suối chỉ trong nửa ngày là chết.

Cả đoàn đi ước ba dặm, tới một quả núi đất, trên đỉnh phẳng lỳ. Hai bên sườn núi xòe ra như hai cái quạt. Đứng trên đỉnh núi, trông về phía đông, thì sườn núi chia thành ba bực rất đều đặn, và có một con suối theo ba bực ấy chảy xuống. Dòng nước vắt ngang từ bậc nọ xuống bậc kia không khác những tấm lụa phẳng lỳ trải

trên nền đá.

Xuống đến Lâm Lộc, là tức chỗ thấp nhất mà nước từ trên núi dồn xuống, đá lũm xuống như một cái chậu thật to. Tới đây, nước chảy mạnh quá, tóe lên không khác một bông sen trắng.

Tới Lâm Lộc, người Mường ra lệnh cho Duy Mật dừng lại. Hắn hái ngay vài ngọn cỏ mọc ở bờ suối, đưa cho Kỳ Hùng ăn. Tiếp, lấy nước ở suối lên mà trao cho Kỳ Hùng. Viên tướng này vừa uống xong thì bệnh khỏi liền, Duy Mật mừng rỡ, đến cảm tạ người Mường và cho phép quân lính được tự ý lấy nước suối lên giải khát.

Trái hẳn với khi ở Sí Kiền, nước suối Lâm Lộc ngọt và có hương thơm. Người Mường lại cho Duy Mật biết rằng nước suối này có hai cái đặc tính rất đáng quý là người sốt uống khỏi và nếu dùng làm nước pha trà thì uống có một hương vị rất thú mà không nước ở đâu có.

Trong lúc quân lính, nhân có nước ngọt, cắm trại lại Lâm Lộc thổi nấu ăn, anh em Lý Bạch Phụng và Lý Bạch Long giắt nhau lên một trái núi ở trước mặt để ngắm hình thế của địa phương này. Ngồi trong trướng, Duy Mật đương chống tay vào cằm nghĩ ngợi, không hiểu cái tương lai rồi mờ mịt đến thế nào thì, chợt nghe hai người tất tưởi chạy về, nói phía bên kia núi có một nơi đô hội không kém gì kẻ chợ16.

Duy Mật kinh ngạc, cùng hai người trèo lên đỉnh núi, ngắm về phía Tây, thấy giữa miền rừng núi liên tiếp, hiện ra một cái thung lũng rất rộng, phía trong ruộng lúa phẳng lỳ, coi toàn thể không khác một cái chảo lớn mà miệng chảo là những trái núi cao ngất. Trong thung lũng có hai dòng nước nhỏ chảy cuộn tròn như hai con rắn bạc quấn lấy một thị trấn trong có dân cư đông đúc. Giữa những nếp nhà sàn là phần chính của thị trấn, trội lên những mái ngói đỏ ối, lợp theo mui luyện là lối kiến trúc đặc biệt ở địa phương này. Các lâu đài nguy nga đó được xây theo hàng lối định sẵn, không khác ở một nơi đô thành nhỏ.

Duy Mật định cho tìm người Mường ban nãy để hỏi, nhưng vừa quay lại thì đã thấy người đó đứng ở sau lưng mình rồi. Chàng để ý nhận kỹ thì người này có vẻ mặt rất đạo mạo và minh mẫn khác hẳn những thổ dân mà chàng thường gặp tại biên giới Ai Lao. Có ý ngờ vực, Duy Mật hỏi:

- Tôi coi túc hạ hình như không phải là sinh trưởng ở địa phương

này thì phải?

Người mà mọi người tưởng là người Mường đó, trịnh trọng đáp:

- Tướng quân quả đã có con mắt xét người rất minh mẫn. Thật ra tôi không phải người ở đây. Song vì ở miền này đã lâu nên từ ngôn ngữ cho đến phong tục, đều theo thổ dân, thành ra đã bị đồng hóa, không khác gì người Mường thật.

- Túc hạ có thể cho tôi biết quý tính cao danh được không?

- Tôi họ Lại, tên Như Trác. Ông tổ tôi là Lại Thế Cường, trước theo đức Trang Tôn khởi binh, được phong làm Dực Vận công thần. Khi ông tổ tôi cùng với đức Trang Tôn lưu lạc ở miền này có lấy một người đàn bà Mường làm thiếp và sinh được một người con trai là cha tôi. Vì tổ mẫu tôi không muốn theo tổ phụ tôi xuống kẻ chợ, nên lưu lại đây đến bây giờ là ba đời.

- Túc hạ có quyến thuộc gì ở đây không?

Như Trác đáp lại câu hỏi của Duy Mật bằng một cái gật đầu. Tiếp, lại nói:

- Đến đời tôi, tôi còn tìm về quê hương ở xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn để thăm một đứa cháu là Lại Thế Thiều. Song vì nhớ cảnh núi non của miền Trấn Ninh, tôi lại lên lập nghiệp ở đây. Thế Thiều theo tôi đi. Hắn có võ vẽ đôi chút võ nghệ. Hôm nay, hắn vào săn trong rừng. Khi nào về, sẽ xin đưa đến bái kiến tướng quân.

Hỏi về thị trấn ở chân núi. Như Trác nói:

- Chỗ này ở động Trình Quang, thuộc phủ Trấn Ninh mà xưa kia người ta vẫn gọi là nước Bồn Man hoặc cũng có tên là Lão Qua Quốc.

Nơi đây phần nhiều là giống Mường, nhưng họa hoằn cũng có xen vào một ít người Lào và Mọi. Dân Mường do các "đà" cai trị. Chức "đà" Trấn Ninh cũng tương tự như "lang" ở miền thượng du Bắc Hà. Từ thượng cổ cho tới gần đây, Bồn Man vẫn là một nước hoàn toàn độc lập do họ Cầm kế tiếp nhau làm "Đà". Hãn hoặc Bồn Man cũng có phái người về Thăng Long tiến cống. Về đời Hồng Đức, Cầm Công Thiết cự mệnh triều đình, nên bị vua Lê Thánh Tôn thân chinh sang dẹp, giết Công Thiết, cướp lấy đất, đổi gọi là phủ Trấn Ninh, trong chia ra làm bảy huyện, gồm tất cả có 68 động và cho họ Lư Cầm làm "đà". Trong khoảng ba trăm năm nay, họ Lư

Cầm vẫn thần phục triều đình. Trấn Ninh đất tốt, dân cư đông nên mỗi ngày một thêm phồn thịnh. Chức "đà" hiện thời là Lư Cầm Hương, đối với dân Mường có oai quyền lắm. Cầm Hương thích làm nhà cửa và xây các đài đệ nên tướng quân coi đó, động Trình Quang này thực không kém gì cung phủ ở An Trường mà tôi được mục kích hồi mấy năm về trước.

Tiếp lại hỏi về vị trí của động Trình Quang, Như Trác nói:

- Động này rất hiểm, Cầm Hương thần phục triều đình đã vậy, trái lại nếu hắn muốn cầm cự lại thì vị tất triều đình cũng đã làm gì nổi, vì đường vào động rất hiểm trở mà chung quanh lại toàn là núi cao.

Trỏ tay về phía đông, Như Trác hỏi Duy Mật:

- Tướng quân có trông thấy ngọn núi cao kia không? Đó là núi Bồ Chung, dù có cánh vị tất đã vượt được qua, phía Nam là Giang Sầm, phía Bắc là Khánh Thư, toàn là những nơi thiên hiểm, dù có thiên binh vạn mã, cũng khó lòng vào được.

Nghe Như Trác nói, Duy Mật nghĩ thầm:

- Đất Trình Quang này chính là chỗ trời dành cho ta. Nếu ta không liệu cách mà chiếm lấy thì còn mong gì hơn nữa.

Như người đương mơ màng, chợt tỉnh Duy Mật lại hỏi:

- Ở một nơi hiểm viễn như thế này, chắc Lư Cầm Hương phải có quân đội để giữ mình chứ?

Như Trác lắc đầu, mỉm cười:

- Người Mường họ có trông xa bao giờ đâu, Cầm Hương chỉ sợ có triều đình. Nay đã chịu tiến cống rồi thì không lo ngại gì nữa. Nên trong động chỉ còn có chừng năm trăm quân. Cứ cách vài năm lại một lần, hắn cướp cống vật của sứ giả Ai Lao qua đây. Đến khi triều đình quở trách thì sợ xanh mắt lại. Kẻ ngu thường lại hay tham, người đời bao giờ cũng vậy.

Câu trả lời của Như Trác không khác một viên ngọc mà chàng bắt được giữa lúc không ngờ. Duy Mật liền mời người này xuống núi mà tiếp đãi rất tử tế, rồi mang cái chí đánh đuổi họ Trịnh và muốn lấy Trình Quang làm căn cứ mà bàn với Như Trác.

Như Trác vốn đã được nghe tiếng Duy Mật nay lại gặp mặt, thấy

chàng dung mạo oai nghiêm và nói năng hòa nhã thì kính phục không biết ngần nào. Ngẫm nghĩ hồi lâu, Như Trác nói:

- Lư Cầm Hương là người ngu và kiêu lắm. Nếu lấy nghĩa lý dụ hắn, tôi chắc hắn không nghe nào.

Tiếp, ghé vào tai Duy Mật nói nhỏ mấy câu. Những câu nói đó có cái mãnh lực làm cho vẻ mặt Duy Mật rạng dần ra. Sau rốt, chàng nắm lấy tay Như Trác nói:

- Túc hạ thật là một quý nhân mà trời xui đến để giúp tôi. Từ nay xin tôn làm Trọng Phụ, như xưa kia Tề Hoàn Công đãi Quản Di Ngô vậy.

Nói rồi, Duy Mật dắt tay Như Trác bước ra cửa trại, truyền quân rút lui ba dặm quay về Sí Kiền, đóng ngay trước chỗ Như Trác ở.

Chàng vừa toan trèo lên mình voi, thì từ trong rừng rậm, thấy một người lực lưỡng một mình vác một con hổ trắng thủng thỉnh đi ra. Khi nhận rõ mặt người đó, Như Trác mừng rỡ, lên tiếng gọi.

- Thế Thiều con ơi, mau mau lại chào Đức ông đi.

Thế Thiều để con hổ xuống vệ đường, rảo bước đi lại. Duy Mật nhận rõ mặt chàng thì kinh ngạc vô cùng, vì người vác hổ chỉ là một cậu thiếu niên từ 16 đến 18 tuổi, nhưng vóc người to lớn và diện mạo nghiêm trang, không kém gì những người đã đứng tuổi.

Thế Thiều chắp tay chào hai người, rồi đứng tránh ra một bên lối đi, đưa mắt nhìn Như Trác, có ý muốn hỏi người lạ mặt đó là ai? Như Trác hiểu ý, trỏ Lê Duy Mật nói:

- Đức ông đây là Hoàng đệ, em thứ mười một đức Kim thượng ta, hiện lên đây để lo việc giết họ Trịnh và tôn phù đế thất. Chú cháu ta đã được Đức ông thu làm thần tử. Từ nay cháu nên hết sức phụng sự Ngài để báo đáp lấy muôn một cái ơn tri ngộ.

Thế Thiều cung kính thưa:

- Chúng tôi là kẻ sơn dã, chỉ mong Đức ông dạy bảo và cho được theo hầu dưới ngựa.

Duy Mật thấy Thế Thiều trẻ tuổi, lại có vũ dũng và ăn nói phải chăng thì mừng thầm là đã thu phục được thêm một nhân tài. Chàng ôn tồn nói:

- Lệnh điệt ngươi coi tuấn tú lắm, sau này tất có sự nghiệp.

Thấy quân lính đã dự bị xong cả. Duy Mật cùng với Như Trác cùng bước lên mình voi. Còn Thế Thiều thì lại vẫn điềm tĩnh nắm hai chân con hổ sốc lên vai mà đi, coi không có vẻ gì khó khăn và mệt nhọc cả.

Tới Sí Kiền, Duy Mật truyền quân hạ trại trên sườn núi, còn mình cùng Tú Xuân thì vào nghỉ tại nhà Lại Như Trác.

Hôm sau, Duy Mật truyền quân ăn cơm thật sớm, rồi cắt Trần Kiện Nhi cùng với Như Trác mang năm mươi tên quân, tắt qua đường núi vào phục sẵn ở Khánh Thư, hẹn khi nào Cầm Hương đi khỏi thì xông ra, cướp lấy Trình Quang. Anh em Bạch Long và Bạch Phụng thì cùng với hai chục tên quân đốc vận một ít vàng bạc và châu báu, thủng thẳng đi lên gò Trình Ban là con đường từ Lào sang Thanh Hoa. Tại gò này, chàng cho Trần Kỳ Hùng mai phục, dặn nếu nghe tiếng kêu thì đổ ra mà đánh.

Cắt đặt xong, chàng gọi Lại Thế Thiều đến dặn nhỏ mấy câu. Thế Thiều vâng dạ đi khỏi rồi. Duy Mật liền cùng với Tú Xuân mang quân bản bộ vào ẩn tại một khu rừng, cách Lâm Lộc chừng một dặm.

"THIÊN NAM ĐẾ TỬ"

Lư Cầm Hương quả như lời phê bình của Lại Như Trác, là một nhà cai trị ngu và tham. Nhưng viên "đà" này còn một thói xấu nữa mà Như Trác có lẽ không để ý đến là xa xỉ.

Cầm Hương ngu, thật ra cũng không có hại hoặc lợi gì cho dân Trấn Ninh, hơn là Cầm Hương khôn khéo hoặc thông minh. Vì nền chính trị của đất Bồn Man đại khái cũng như những mặt hồ không sóng gió bao giờ. Các "đà" dù hay hay dở, dân cũng cứ phục tòng. Bị đè nén hay ức hiếp, họ cũng không dám phàn nàn. Vì phàn nàn là bất kính. Và đã bất kính với "đà" thì thế tất là phải khép vào tử tội.

Ở vào một bộ lạc đã dễ khiến như vậy thì việc cai trị của các "đà" không có đường lối nào khác, ngoài những phương pháp tổ truyền. Vì vậy, một "đà" ngu hay khôn, cũng không có ảnh hưởng gì đến cuộc sinh tồn của dân chúng. Nhưng tính xa xỉ của Cầm Hương, trái lại, là một nguy trạng rất lớn. Vì quanh năm mê mệt vào những cuộc truy hoan và kiến trúc, Cầm Hương đã làm cho tiêu mòn hết những tài sản của dân Mường. Dân oán "đà", song không dám hé răng. "Đà" vì ham của mà không bòn vét vào đâu được phải dùng đến những thủ đoạn bất lương như đón cướp những phẩm vật do xứ Ai Lao đệ sang Thăng Long, tiến cống.

Duy Mật đến Trấn Ninh đúng vào cống hạn của Ai Lao nên ngày ngày, Lư Cầm Hương vẫn cho bộ hạ do thám ở dọc đường, chỉ chờ sứ giả đi qua là đón cướp. Đã mấy hôm nay, Cầm Hương thấy nóng ruột và đứng ngồi không yên, chợt lính vào báo là có một thiếu niên Mường xin vào yết kiến.

Thiếu niên nói đây, các ngài hẳn đã đoán biết Lại Thế Thiều, Thế Thiều làm ra bộ ngay thật báo cho Cầm Hương biết rằng sứ đoàn qua biên cảnh Ai Lao đã lâu và hiện đã sắp tới gò Trình Ban, nơi cách Trình Quang chừng vài mươi dặm.

Cầm Hương như kẻ khát đã lâu, chợt gặp được nước uống, vội truyền lấy một trăm quân tinh nhuệ, rồi lên ngựa, theo Thế Thiều cùng đi.

Chỉ trong chốc lát, quân Mường đã tới gò Trình Ban. Gò cương ngựa trông về đằng trước, Cầm Hương thấy sứ bộ chỉ có vài mươi người thì mừng thầm, cho là sẽ vớ được một món hời mà không tốn công gì mấy.

Khi hai quân gần giáp mặt nhau, Lý Bạch Long giả vờ như lo sợ, giục quân mình trốn tránh vào rừng. Nhưng Cầm Hương đã phóng ngựa đến nơi rồi và truyền cho quân Mường tranh cướp lấy những đài đệ của Lao sứ giả.

Bạch Long thấy quân Mường đã bỏ cả hàng ngũ, liền hét to lên một tiếng, quân Kỳ Hùng như gió bão từ dưới gò đổ lên mà chém giết tứ tung. Bạch Long và Bạch Phụng lúc ấy cũng quay lại, xung sát một hồi; Cầm Hương không sức đâu mà đối phó được, đành cùng dăm chục tàn tốt, quay ngựa bỏ chạy.

Qua khe Lâm Lộc, Cầm Hương yên trí là về đến được đất nhà thì thoát nạn, không ngờ tại Trình Quang, đã phất phới lá cờ Cần Vương và một toán quân lạ, không rõ nhiều hay ít, đương hò reo rất dữ dội. Cầm Hương thất đảm, phải rẽ vào rừng. Nhưng mới đi được một dặm thì bắt gặp quân đội của Lê Duy Mật và Trần Tú Xuân. Túng thế, Cầm Hương huơ ngọn giáo lên định đánh liều, song chưa kịp trở tay, đã bị Tú Xuân đâm trúng phải ngựa mà ngã lăn xuống đất.

Quân Mường thấy chủ đã bị bắt, liền quỳ cả xuống xin hàng.

Duy Mật không giết một người nào cả và truyền quân kéo thẳng vào Trình Quang, thì vừa gặp Lại Như Trác cùng với mấy viên kỳ lão Mường mang các thư tịch và ấn tín ra dâng nộp.

Dân Mường vốn ghét Lư Cầm Hương mà không dám nói ra, nay nhất đán có người trừ được cái gai trong mắt ấy cho họ, thì lẽ tự nhiên là họ tôn trọng như một vị cứu tinh.

Duy Mật cũng hiểu rõ cái tình trạng đó nên lập tức truyền hịch đi khắp mọi nơi, kể cái tội Cầm Hương đã ỷ thế chúa Trịnh ở Thăng Long mà sách nhiễu dân Mường.

Người Mường không hiểu chúa Trịnh là ai, nhưng thấy nói là cùng một cánh với Cầm Hương, người mà họ ghét thì họ cũng tỏ ý hằn thù. Duy Mật liền dùng ngay cái tâm lý ấy mà thực hành kế sách

do Yên Mặc đạo nhân đã chỉ vẽ cho chàng, là đồng thời bắt các bộ lạc gần quanh như Quy Hợp, Cao Châu... phải quy phụ về Trình Quang, nghĩa là bắt ép họ phải cung cấp lương tiền và quân lính để chàng dùng vào việc bài trừ họ Trịnh.

Trong khoảng một năm, Duy Mật mở rộng thế lực ra hết tất cả các bộ lạc Mường, dọc theo một dải từ Bắc Bố Chính ra đến Hưng Hóa và Sơn Tây. Trình Quang là một cái triều đình nhỏ mà các "đà" và "lang" lớn, nhỏ đều phải chịu uy quyền. Hãn hoặc nếu có một tù trưởng nào tỏ ra cứng cổ mà không chịu tiến công hoặc cung cấp khí giới và quân lương thì lập tức, Duy Mật sai các "đà" khác mang quân đến dẹp hay tự mình thân đi hỏi tội.

Chính phủ Trình Quang nhờ ở cái chính sách khôn khéo của Duy Mật và một người giúp việc rất đắc lực là Lại Như Trác, không bao lâu, đã giữ được thế quân bình với hai kinh đô Thăng Long và Phú Xuân. Nếu có khác đôi chút chỉ là ở chỗ chúa Trịnh và chúa Nguyễn thì thống trị giống An Nam mà Duy Mật thì thế lực không ra khỏi những bộ lạc Mường và Lào như Quy Hợp, Bồn Man, Vạn Tượng.

Trình Quang đã trở nên kinh đô của một nước, thế tất Duy Mật phải gây cho nó có những đặc điểm mà các kinh đô khác có.

Thoạt đầu, chàng cho lấy gạch và đá xây liền những khe núi lại, khiến cho Trình Quang có một bức thành kiên cố mà nửa là nhân tạo, nửa là thiên nhiên. Lối vào động, chỗ suối nước Lâm Lộc mà chàng đóng quân hôm trước, Duy Mật để hở làm cửa thành, nhưng phía trên xây pháo đài và vọng lâu. Đứng trên cửa này, người ta có thể trông suốt ra gò Trình Ban và tất cả những trái núi chơm chởm như một rừng gươm, chọc thẳng lên không.

Phía trong bức thành thiên nhiên, Duy Mật xây thêm một vòng lũy theo ven bờ hai con sông nhỏ cuộn tròn lấy thị trấn Trình Quang. Dân cư và quân đội đóng cả ở trong vòng lũy thứ hai này. Sau rốt, đến vòng lũy thứ ba là bức thành bọc lấy các cung điện của triều đình. Duy Mật nhân những lâu đài cũ của Cầm Hương, tô điểm hoặc làm rộng thêm ra. Một nhà du lịch, nếu tình cờ đến thăm động Trình Quân vào đầu thế kỷ thứ 18, sẽ phải khen ngợi là nó cũng tráng lệ chẳng kém gì nhiều nơi đô hội ở trong phạm vi Chúa Trịnh.

Tuy đã có ba bức thành kiên cố, Duy Mật cũng chưa cho là đủ. Về phía Nam, Trình Quang, theo hàng chữ nhất, từ gò Trình Ban đến động Trình Khâm, chàng cho xây tất cả 16 đồn quân. Đồn nào

cũng đặt đại bác và cũng có pháo đài. Mỗi đồn cắt 200 quân canh giữ.

Để tránh cái danh hiệu Hoàng đế là chữ mà Duy Mật thủy chung vẫn nhường cho vua Lê, chàng tự xưng là "Thiên Nam đế tử" như khi còn ở Ngọc Lâu. Các ấn tín đều khắc bốn chữ này. Nghi vệ và phẩm phục thì nhất thiết dùng mầu tía, mầu mà Nhân vương đã chọn cho nhà Chúa, hồi ba mươi năm trước.

Quân đội tại Trình Quang chia làm hai vệ, gọi là Cẩm y và Kim ngô, tức là hai hiệu quân cấm vệ của nhà Lê. Mỗi vệ có hai nghìn người, do một viên đại tướng làm thống lĩnh.

Chiếu công trạng và tài cán của những tướng bộ hạ, Duy Mật phong Lại Như Trác làm quân sư chủ trương các việc quân, đồn.

Trần Kiện Nhi được phong làm Phiêu kỵ tướng quân.

Trần Kỳ Hùng làm Thống lĩnh vệ Cẩm y, Lý Bạch Long Thống lĩnh vệ Kim Ngô.

Lý Bạch Hổ thì làm Đô đốc, trấn thủ quan ải Trình Quang. Các tướng khác thì chia giữ 16 đồn hoặc coi về bộ binh, tượng binh và mã binh là những hiệu quân mà Duy Mật cho rèn tập luôn để phòng khi dùng đến.

Trong thành Trình Quang, Duy Mật lại cho lập một "Công Thần miếu" để thờ Lê Duy Chúc, Lê Duy Quy và những đồng chí đã bất hạnh qua đời.

Quân đội trong thành, Duy Mật chia làm hai lớp, một lớp thao luyện thì lớp thứ hai đi phá các khe núi làm chỗ cày cấy, thành ra chỉ trong khoảng vài năm, số quân tinh nhuệ ở Trình Quang có tới năm nghìn mà lương thực, khí giới, xe ngựa thì không biết bao nhiêu mà kể.

Trấn Ninh lại là một nơi rất nhiều voi, nên Duy Mật thường đem quân vào rừng săn bắt để gây nên một đội tượng quân đông đúc hơn cả quân Thuận Hóa và Thăng Long.

Một hôm, chàng đương săn trong rừng, chợt có người Mường đến báo là bắt gặp ba người lạ mặt nằm thiếp ở một khu núi, gần gò Trình Ban. Duy Mật đến tận nơi xem xét, thấy ba người tuy bất tỉnh nhân sự, nhưng trong mình vẫn còn hâm hấp nóng. Trong số ba người đó, thì hai người rất cao lớn, nước da trắng bệch, sống mũi cao. Người thứ ba nhỏ bé hơn hai người trên, trông khuôn

mặt cũng có thể biết được là người An Nam, nhất là trên trán lại thích bốn chữ "Học Hoa Lang đạo"

Duy Mật cho vực ba người về Trình Quang, rồi đổ cháo cho, được một lúc thì ca ba cùng tỉnh. Chàng cho hỏi thì hai người da trắng trả lời ấp úng, rất khó nghe. Duy có người thứ ba nói năng rất hoạt bát và sau những phút do dự, thú rằng mình tên là Nguyễn Văn Bản, quán ở Nghệ An và vì theo hai người trên thuộc giống Tây dương mà dân Bắc Hà quen gọi là "Hoa Lang" nên bị quan địa phương làm tội và thích chữ vào mặt. Sau đó, chàng bị các quan lại Nghệ An sách nhiễu và hành hạ nên cùng hai người Âu kia chạy trốn sang Lào, không may đến đây, đói quá không đi được nữa.

Hỏi về tình hình trấn Nghệ An, Nguyễn Văn Bản nói viên trấn tướng hiện thời là Văn Đình Úc xuất thân là một kẻ võ biền, tính lười mà tham, dân oán ghét, chỉ cầu hắn đổi đi nơi khác.

Nguyễn Văn Bản lại nói là người Hoa Lang đi với mình rất giỏi về nghề đúc khí giới. Duy Mật liền lưu cả lại dùng, quả nhiên là những người giúp việc mà chàng cho là đắc lực.

Ba năm sau, tự xét là đã đủ thế lực để tiến xuống Trung châu mà thực hành cái chí diệt Trịnh khi xưa, Duy Mật liền họp các tướng lại để liệu kế tiến quân.

Như Trác bàn nên chia quân làm hai đạo: đạo thứ nhất tiến xuống phía Đông Nam đánh lấy Quy Châu, đạo thứ hai đánh vào mặt đông bắc, lấy Trà Lân. Được những nơi này rồi, hai quân sẽ hợp nhau mà xuống vĩnh doanh, rồi lần lượt lên Thanh Hoa và kéo thẳng ra Bắc.

Duy Mật cho kế ấy là phải, sai Trần Tú Xuân làm thống lĩnh đạo thứ nhất, tự mình chỉ huy đạo thứ hai. Chàng định đến ngày 15 tháng Tư năm Cảnh Hưng thứ 21 thì làm lễ tế cáo trời đất; ngày 16 tiến quân.

Như Trác liền cho lập đàn ở sườn núi, trên đặt bài vị Hiệu Thiên Thượng đế và Hậu Thổ địa kỳ, tiếp đến linh vị các vua Lê. Lễ vật thì dùng tam sinh và hoa quả.

Ngày 15, Duy Mật mặc áo bào tía, đội mũ bao đầu, cùng với các tướng vào tế theo như nghi lễ ở Thăng Long. Như Trác thì đọc tế văn, tiếng sang sảng làm kinh động cả núi non, cây cỏ.

Tế xong, các quân thết tiệc giữa trời mà ăn uống, ai nấy đều hăng

hái muốn ra trận để lập công. Thấy khí thế của mình mạnh mẽ như vậy thì Duy Mật rất vui mừng, nhưng chợt có quân vào báo là lá cờ tướng không may bị gió lay đổ, khiến cho chàng bất giác rùng mình. Nhưng để yên ủi mọi người, Duy Mật nói đó là một điều bất cẩn của kẻ cắm cờ, không có hại gì đến công việc lớn.

Đêm ấy, mọi người đã ngủ yên cả, Duy Mật vẫn bứt rứt ngồi trước ngọn đèn, không hiểu việc rủi ro hôm nay có quan hệ gì đến đại cục hay không, vì chàng bị thất bại đã nhiều nên không khác con chim đã bị tên, hễ thấy cây cong là sợ.

Chàng đương nghĩ vơ vẩn thì thấy một ông già, râu tóc cùng bạc trắng như tuyết, cầm một lưỡi dao hầm hầm từ ngoài sân bước vào. Tới trước án, ông già chỉ lưỡi dao vào mặt Duy Mật, quát:

- Ta là Bình An vương đây17. Nhà Lê nhờ có cha con ta mới khôi phục được. Vì vậy khi phong vương cho ta vua Lê có thề rằng "Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong"18. Thế mà trong mười năm nay, lúc nào ngươi cũng cậy cục để hại con cháu ta. Nhưng phúc đức của nhà ta còn những sáu mươi năm nữa mới hết. Dù ngươi muốn hại cũng không thể được.

Nói rồi, ông già vung gươm ra, toan chém Duy Mật. Chàng hoảng sợ, ù té chạy, đến cửa thì vấp ngã. Chàng bừng mắt dậy, là một giấc chiêm bao.

Duy Mật sờ tay lên trán thì mồ hôi rỏ xuống ròng ròng. Từ bấy giờ đến sáng, Duy Mật không sao ngủ đi được nữa.

Sáng sớm, Duy Mật định cố bò dậy, nhưng chân tay mệt nhừ. Chàng liền cho gọi Lại Như Trác vào cung và thuật lại cho nghe giấc mộng hôm trước.

Như Trác ngẫm nghĩ hồi lâu nói:

- Luận về dòng dõi họ Trịnh tôi nghe thầy địa lý Tàu có nói kiểu đất của họ Trịnh là "phi đế phi bá, quyền huynh thiên hạ, bát đại vi vương, tiêu tường khởi họa"19 cứ kể được phong vương thì bắt đầu từ Trịnh Tùng đến Trịnh Doanh mới là bảy đời, có lẽ trời chưa tuyệt họ Trịnh thật.

Như Trác vừa nói dứt lời thì Duy Mật vật vã kêu đau, rồi bệnh tình mỗi phút một tăng thêm.

Thế là cuộc hưng binh hoãn, chờ cho chàng khỏi bệnh.

HẾT

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. Quang Trung - Hoa Bằng
2. Trần Hưng Đạo - Hoàng Thúc Trâm
3. Nữ tướng thời Trưng Vương - Nguyễn Khắc Xương
4. Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất
5. Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất
6. Nguyễn Thái Học - Nhượng Tống
7. Vua Hàm Nghi - Phan Trần Chúc
8. Việt - Pháp bang giao sử lược - Phan Khoang
9. Việt - Hoa bang giao sử -
   Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. Việt - Hoa thông sứ sử lược -
    Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe

11. Việt Nam ngoại giao sử - Ưng Trình
12. Sử ký Đại Nam Việt - Khuyết Danh

Chú Thích

1. Thợ gạch.

2. Trịnh Cương.

3. Đọc *Thưởng trì cung* của Phan Trần Chúc.

4. Quảng Yên.

5. Nơi Cừ, Tuyển khởi binh.

6. Hải Dương.

7. "Hai bên bờ hàng ngàn núi như những cái măng ngọc đứng sững, ở giữa là dòng sông khác nào con rắn xanh lượn bò, non sông còn như cũ nhưng người anh hùng đã qua đi mất rồi. Trời đất vô tình bày ra nhiều sự biến đổi" – Xem toàn bài ở sách *Nguyễn Trãi* của Trúc Khê.

8. Tiến sĩ võ.

9. Đọc *Thưởng trì cun.*

10. Thanh Hoa.

11. Cung miếu là nơi thờ tổ tiên chúa Trịnh cũng như Thái miếu của nhà vua.

12. Nguyễn Bỉnh Khiêm.

13. Phùng Khắc Khoan.

14. Kinh bang tế thế. (BT)

15. Thanh Hoa ngoại là Ninh Bình.

16. Kinh thành.

17. Trịnh Tùng.

18. Lê còn Trịnh còn, Lê mất Trịnh mất.

19. Không phải đế không phải bá, quyền hơn mọi người, tám đời làm vua chúa, tại vạ ở trong nhà mà ra.